



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG SCG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
XÂY DỰNG SCG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2022/SCG-CBTT

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Quý Cổ đông

Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG

Trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Hà Nội

Điện thoại: 0247 305 9979

Website: <https://scgr.vn>

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Xuân Mỹ - Người được ủy quyền CBTT

Loại công bố thông tin: Định kỳ Bất thường 24h Khác

Nội dung công bố thông tin:

- Điều lệ sửa đổi, bổ sung.
- Mẫu dấu mới. Hiệu lực mẫu dấu mới: từ 06/7/2022

--	--

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 06/7/2022 tại đường dẫn <https://scgr.vn/cong-bo-thong-tin/>.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu IR-IPO.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Thị Xuân Mỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----□□□-----



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG SCG

Hà Nội, tháng **.07.** năm 2022

MỤC LỤC

<u>CHƯƠNG I</u>	5
<u>QUY ĐỊNH CHUNG</u>	5
ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA	5
ĐIỀU 2. NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH	7
<u>CHƯƠNG II</u>	7
<u>CÁC QUY ĐỊNH CHUNG</u>	7
ĐIỀU 4. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	8
ĐIỀU 5. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	8
<u>CHƯƠNG III</u>	10
<u>QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY</u>	10
ĐIỀU 6. QUYỀN CỦA CÔNG TY	10
ĐIỀU 7. TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	11
<u>CHƯƠNG IV</u>	12
<u>VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</u>	12
ĐIỀU 8. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	13
ĐIỀU 9. CHỨNG NHẬN CỔ PHIẾU VÀ SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG	14
ĐIỀU 10. SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY	15
<u>CHƯƠNG V</u>	15
<u>CHUYỂN NHƯỢNG, THU HỒI VÀ MUA LẠI CỔ PHẦN</u>	15
ĐIỀU 11. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN	15
ĐIỀU 12. THU HỒI CỔ PHẦN	16
ĐIỀU 13. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG	17
ĐIỀU 14. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CÔNG TY	18
ĐIỀU 15. THỜI HẠN THANH TOÁN VÀ TỪ CHỐI MUA LẠI CỔ PHẦN	18
<u>CHƯƠNG VI</u>	19
<u>CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT</u>	19
ĐIỀU 16. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY	19
<u>CHƯƠNG VII</u>	19
<u>CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</u>	19
ĐIỀU 17. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG	19
ĐIỀU 18. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG	22
ĐIỀU 19. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	23
ĐIỀU 20. CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	26
ĐIỀU 21. ỦY QUYỀN THAM DỰ HỌP ĐHĐCĐ	27
ĐIỀU 22. THAY ĐỔI CÁC QUYỀN	29
ĐIỀU 23. TRIỆU TẬP HỌP, CHƯƠNG TRÌNH VÀ THÔNG BÁO HỌP ĐHĐCĐ	29
ĐIỀU 24. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐHĐCĐ	32
ĐIỀU 25. THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐHĐCĐ VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP	33
ĐIỀU 26. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ	35

ĐIỀU 27. NGHỊ QUYẾT, BIÊN BẢN CUỘC HỌP ĐHĐCĐ	38
ĐIỀU 28. YÊU CẦU HỦY BỎ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ	40
CHƯƠNG VIII	40
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	40
ĐIỀU 29. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HĐQT	40
ĐIỀU 30. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỶ THÀNH VIÊN HĐQT	41
ĐIỀU 31. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT	43
ĐIỀU 32. CHỦ TỊCH HĐQT	46
CHƯƠNG IX	53
TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	53
VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	53
ĐIỀU 35. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG	53
ĐIỀU 36. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	53
ĐIỀU 37. LAO ĐỘNG	56
CHƯƠNG X	56
NHIỆM VỤ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS, TGD VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	56
ĐIỀU 38. NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY	56
ĐIỀU 39. TRÁCH NHIỆM CÂN TRỌNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	57
ĐIỀU 40. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI	57
ĐIỀU 41. BỒI THƯỜNG	58
CHƯƠNG XI	58
BAN KIỂM SOÁT	58
ĐIỀU 42. BAN KIỂM SOÁT	58
CHƯƠNG XII	63
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ	63
ĐIỀU 43. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ	63
CHƯƠNG XIII	63
PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	63
ĐIỀU 44. CỔ TỨC	63
CHƯƠNG XIV	64
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	64
ĐIỀU 45. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG	64
ĐIỀU 46. NĂM TÀI CHÍNH	64
ĐIỀU 47. BÁO CÁO VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	64
CHƯƠNG XV	65
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNG NĂM, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT	65

ĐIỀU 48. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNG NĂM	65
<u>CHƯƠNG XVI</u>	<u>67</u>
<u>CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI THỂ</u>	<u>67</u>
ĐIỀU 52. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG	67
ĐIỀU 53. GIA HẠN HOẠT ĐỘNG	67
ĐIỀU 54. THANH LÝ	67
<u>CHƯƠNG XVII</u>	<u>68</u>
<u>THÔNG BÁO, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP</u>	<u>68</u>
ĐIỀU 55. THÔNG BÁO	68
ĐIỀU 56. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	69
<u>CHƯƠNG XVIII</u>	<u>69</u>
<u>SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ</u>	<u>69</u>
ĐIỀU 57. SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	69
ĐIỀU 58. NGÀY HIỆU LỰC	70

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----□□□-----

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG SCG

- ✓ Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- ✓ Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- ✓ Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/SCG/NQ-DHĐCĐ ngày 25/6/2022;
- ✓ Căn cứ Phụ lục Điều lệ số 01 ngày 16/8/2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG;
- ✓ Điều lệ này có tất cả 58 Điều, chia thành 18 chương.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây có nghĩa như sau:

- 1.1. “**BKS**” có nghĩa là Ban Kiểm Soát của Công Ty.
- 1.2. “**Cổ Đông lớn**” là Cổ Đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên số Cổ Phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- 1.3. “**Công Ty**” là Công Ty Cổ Phần Tập đoàn Xây dựng SCG.
- 1.4. “**Công ty con**” là bất kỳ công ty nào mà trong đó Công Ty:
 - a) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số Cổ Phần phổ thông đã phát hành của doanh nghiệp đó; hoặc
 - b) Công ty có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc

- c) Công ty có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp đó.
- 1.5. “(các) **Cổ Đông**” có nghĩa là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty.
- 1.6. “**Cổ Phần**” có nghĩa là một Cổ Phần trong vốn Cổ Phần của Công ty bao gồm (các) Cổ Phần Phổ Thông và (các) Cổ Phần Ưu Đãi (nếu có).
- 1.7. “(các) **Cổ Phần Phổ Thông**” có nghĩa là các Cổ Phần phổ thông của Công Ty.
- 1.8. “**Cổ Đông Sở Hữu Cổ Phần Ưu Đãi**” có nghĩa là người sở hữu Cổ Phần Ưu Đãi tại từng thời điểm.
- 1.9. “(các) **Cổ Phần Ưu Đãi**” nghĩa là các Cổ Phần ưu đãi của Công Ty.
- 1.10. “**ĐHĐCĐ**” nghĩa là Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty.
- 1.11. “**Hội Đồng Quản Trị**” hay “**HDQT**” có nghĩa là Hội Đồng Quản trị Công Ty.
- 1.12. “**Luật Doanh Nghiệp**” là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
- 1.13. “**Luật Chứng Khoán**” là là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- 1.14. “**Ngày Làm Việc**” có nghĩa là ngày không phải là thứ bảy hoặc chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ tại Việt Nam.
- 1.15. “**Người Điều Hành Doanh Nghiệp**” hay “**Người Điều Hành**” có nghĩa là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và các nhân sự khác của Công Ty theo quy định của Điều lệ công ty.
- 1.16. “**Người Có Liên Quan**” có nghĩa như quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán.
- 1.17. “**Người Được Ủy Quyền Dự Hợp**” có nghĩa là bất kỳ người nào kể cả người giữ vị trí chủ tọa cuộc họp của ĐHĐCĐ mà được ủy quyền bởi một Cổ Đông cá nhân, một Đại Diện Được Ủy Quyền, hoặc một Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức trong trường hợp Cổ Đông đó không có Đại Diện Theo Ủy Quyền để tham dự và bỏ phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- 1.18. “**Pháp luật**” là các Luật Hiến Pháp, hiệp ước, Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định, Thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác được ban hành phù hợp với quy định tại Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật bởi bất kỳ cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan được ban hành và công bố và được áp dụng đối với Công Ty và như được sửa đổi tại từng thời điểm.

- 1.19. “**Sổ Đăng Ký Cổ Đông**” có nghĩa là sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty được lập và lưu giữ theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh Nghiệp.
- 1.20. “**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- 1.21. “**VND**” hoặc “**Việt Nam Đồng**” là đồng tiền hợp pháp của nước Việt Nam.
- 1.22. “**Vốn Điều Lệ**” có nghĩa là tổng giá trị mệnh giá Cổ Phần mà các Cổ Đông đóng góp theo quy định tại Điều 8 Điều Lệ này.

ĐIỀU 2. NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH

- 2.1. Trong Điều Lệ này, tham chiếu nào tới điều khoản hoặc văn bản bất kỳ sẽ bao gồm các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của văn bản đó.
- 2.2. Các tiêu đề được sử dụng chỉ để thuận tiện theo dõi và không ảnh hưởng đến việc giải thích và nội dung của các điều khoản của Điều Lệ này.
- 2.3. Bất kỳ từ ngữ hoặc thuật ngữ nào đã được quy định tại Luật Doanh Nghiệp sẽ (nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh) có nghĩa tương tự trong Điều Lệ này.
- 2.4. Dẫn chiếu đến các Phụ Lục có nghĩa là dẫn chiếu đến các Phụ Lục trong Điều Lệ này.
- 2.5. Bất kỳ thuật ngữ nào được định nghĩa cho số ít cũng sẽ có nghĩa tương tự áp dụng cho số nhiều tùy từng ngữ cảnh.

CHƯƠNG II CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 3. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 3.1. Tên Công ty:
 - a) Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG SCG**
 - b) Tên tiếng anh: **SCG CONSTRUCTION GROUP JOINT STOCK COMPANY**
 - c) Tên viết tắt: **SCG CONSTRUCTION GROUP., JSC**
- 3.2. Công Ty Cổ Phần Tập đoàn Xây dựng SCG thuộc hình thức công ty Cổ Phần, hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong quá trình hoạt động, Công Ty phải tuân thủ Pháp Luật và các quy định tại Điều Lệ này. Trách nhiệm của các Cổ Đông đối với các bên thứ ba chỉ giới hạn trong phần vốn góp của mình trong tổng số Vốn Điều Lệ của Công Ty. Công Ty là một pháp nhân độc lập không chịu trách nhiệm đối với các khoản vay nợ

hoặc các trách nhiệm khác của các Cổ Đông, trừ khi có thỏa thuận rõ ràng khác. Công Ty hoạt động trên nguyên tắc quản lý kinh tế độc lập phù hợp với Điều Lệ hiện tại, Pháp Luật và Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp.

3.3. Trụ sở đăng ký của Công Ty là:

- a) Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- b) Điện thoại: 0247.305.9979
- c) Email: info@scgr.vn Website: <https://scgr.vn>

3.4. Công Ty có thể, theo Nghị quyết của HĐQT và phù hợp với quy định của Pháp Luật, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện phù hợp với lĩnh vực hoạt động kinh doanh để hỗ trợ, thực hiện các mục tiêu, hoạt động của Công Ty.

3.5. Thời hạn hoạt động của Công Ty là vô hạn. Công Ty có thể thay đổi thời hạn hoạt động theo một Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 4. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Công ty có hai (02) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc.

- Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo Pháp luật theo các quy định tại Điều lệ này, pháp luật liên quan.

Chi tiết theo quy định tại Điều 32 và Điều 36.5, Điều 36.6 của Điều lệ này.

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT về những vấn đề thuộc trách nhiệm của mình trong phạm vi trách nhiệm quản lý, điều hành.

ĐIỀU 5. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

5.1. Ngành, nghề kinh doanh

Công ty được phép hoạt động bao gồm nhưng không giới hạn, trong các lĩnh vực sau:

STT	Ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh:	4663

STT	Ngành	Mã ngành
	Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...	
2.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
3.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
4.	Xây dựng công trình thủy	4291
5.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
6.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
7.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
8.	Xây dựng nhà ở	4101 (Chính)
9.	Xây dựng nhà không để ở	4102
10.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
11.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
12.	Xây dựng công trình điện	4221
13.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
14.	Phá dỡ	4311
15.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
16.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
17.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
18.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
19.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
20.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
21.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
22.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
23.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Quản lý bất động sản.	6820
24.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
25.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110

STT	Ngành	Mã ngành
26.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
27.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
28.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211

5.2. Mục tiêu hoạt động của Công Ty là trở thành đơn vị xây dựng uy tín, tiên phong ứng dụng công nghệ 4.0 trong lĩnh vực xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng, đặc biệt là các công trình nhà cao tầng, siêu cao tầng ở Việt Nam và trong Khu vực.

5.3. Công ty được phép hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và Điều Lệ này nhằm đạt hiệu quả kinh tế cho các Cổ Đông.

CHƯƠNG III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 6. QUYỀN CỦA CÔNG TY

Công Ty có các quyền sau đây:

- 6.1.** Quản lý, sử dụng phần vốn góp của các Cổ Đông và các nguồn vốn khác nhằm thực hiện các mục tiêu, trách nhiệm và chiến lược kinh doanh của Công Ty.
- 6.2.** Trừ khi bị Pháp Luật Việt Nam nghiêm cấm, cấp vốn cho các Công Ty Con, các công ty phụ thuộc và liên quan dưới hình thức các khoản vay để hỗ trợ đáp ứng nhu cầu vốn cho việc phát triển chiến lược kinh doanh của Công Ty, bao gồm cả việc phát triển các dự án bất động sản.
- 6.3.** Tổ chức bộ máy quản lý, hoàn thiện quy chế lương, và chỉ đạo hoạt động của các đơn vị kinh doanh phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ của Công Ty. Phân chia và điều chỉnh các nguồn lực giữa các Công Ty Con để đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
- 6.4.** Kinh doanh trong các lĩnh vực không bị Pháp Luật cấm; mở rộng phạm vi các hoạt động kinh doanh theo khả năng của Công Ty và nhu cầu thị trường.
- 6.5.** Tái cơ cấu, chấm dứt hoạt động của các Công Ty Con và phát triển hoạt động kinh doanh sản xuất của Công Ty.
- 6.6.** Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Công Ty trong và ngoài nước theo quy định của Pháp Luật; mở (các) tài khoản giao dịch trong và ngoài nước.
- 6.7.** Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đầu tư, tham gia vào các liên doanh hoặc hợp danh, mua cổ phần, mua toàn bộ hoặc một phần tài sản của công ty khác theo quy định của Pháp Luật và phù hợp với mục tiêu phát triển của Công Ty.

- 6.8. Tìm kiếm thị trường, lựa chọn khách hàng; trực tiếp giao dịch và tham gia ký kết các loại hợp đồng với khách hàng trong và ngoài nước; được phép thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu để đáp ứng các yêu cầu của hoạt động kinh doanh của Công Ty.
- 6.9. Lựa chọn, tuyển dụng và sử dụng người lao động theo yêu cầu của hoạt động kinh doanh, bao gồm cả các chuyên gia nước ngoài nếu cần và được quy định bởi Pháp Luật. Lựa chọn các hình thức thanh toán lương, phân bổ thu nhập, quyết định mức lương của người lao động theo quy định của Pháp Luật.
- 6.10. Từ chối và không chấp nhận các đề nghị cung cấp tài chính không được quy định bởi Pháp Luật từ bất kỳ cá nhân, công ty hoặc tổ chức nào, trừ các đóng góp tự nguyện vì mục đích nhân đạo và lợi ích cộng đồng.
- 6.11. Quyết định giá mua, giá bán của các nguyên vật liệu, trang thiết bị, sản phẩm và dịch vụ, trừ trường hợp một số sản phẩm và dịch vụ có giá do Chính Phủ quyết định.
- 6.12. Sử dụng vốn và quỹ của Công Ty để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh trên cơ sở bảo toàn vốn và thu lợi nhuận.
- 6.13. Lựa chọn cách thức huy động vốn từ các nguồn tài chính trong và ngoài nước mà Pháp Luật không cấm. Được phép phát hành cổ phiếu, trái phiếu,... theo quy định của Pháp Luật.
- 6.14. Thanh lý, chuyên nhượng, thay thế, thuê, cho thuê, cầm cố tài sản, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất và các quyền tài sản khác phù hợp với Pháp Luật và trên cơ sở bảo toàn vốn.
- 6.15. Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận cho các Cổ Đông sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với nhà nước và phân bổ quỹ theo quy định của Pháp Luật và quyết định của HĐQT.
- 6.16. Đăng ký và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.
- 6.17. Khởi kiện và tự bào chữa trong các thủ tục tố tụng.
- 6.18. Thuê các luật sư, kế toán, tư vấn, đại lý, cố vấn, kỹ sư, kiến trúc sư, và nhà thầu,... để phục vụ hoạt động của Công Ty.
- 6.19. Được hưởng và yêu cầu các chính sách ưu đãi về thuế theo quy định của Pháp Luật.
- 6.20. Thực hiện mọi hoạt động hợp pháp, ký kết các thỏa thuận, văn bản hợp pháp nếu cần thiết và cần làm nhằm mục đích phục vụ cho Công Ty và hoạt động kinh doanh của Công Ty.
- 6.21. Các quyền khác phù hợp với quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 7. TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Công Ty có trách nhiệm:

- 7.1. Hoàn thành việc đăng ký kinh doanh và hoạt động kinh doanh phù hợp với các lĩnh vực kinh doanh đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước (i) các Cổ Đông về kết quả kinh doanh của Công Ty, và (ii) khách hàng của mình và Pháp Luật về các sản phẩm và dịch vụ do Công Ty cung cấp.
- 7.2. Lập chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư, kế hoạch kinh doanh phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của Công Ty cũng như nhu cầu của thị trường.
- 7.3. Ký kết và tổ chức thực hiện các loại hợp đồng với các đối tác.
- 7.4. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động phù hợp với Bộ luật Lao động, đảm bảo cho người lao động tham gia việc quản lý Công Ty thông qua thỏa ước lao động tập thể và các quy định khác.
- 7.5. Tuân thủ các quy định Pháp Luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, an ninh quốc gia, phòng cháy và chữa cháy.
- 7.6. Tuân thủ các chế độ kế toán và thống kê, chuẩn bị các bản báo cáo định kỳ phù hợp với quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của ĐHCĐ, và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các báo cáo đó.
- 7.7. Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định Pháp Luật.
- 7.8. Tuân thủ các quy định về thanh kiểm tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 7.9. Tuân thủ triệt để chế độ và quy định về chế độ báo cáo tài chính, thống kê - kế toán, kiểm toán và các quy chế khác được quy định bởi Pháp Luật, chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực trong các báo cáo tài chính của Công Ty.
- 7.10. Bảo toàn, phát triển vốn và các khoản quỹ của Công Ty.
- 7.11. Hoàn thành các quy định liên quan đến các hạng mục thu, chi trong bảng cân đối kế toán của Công Ty.
- 7.12. Cung cấp báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin khách quan và có thật về hoạt động của Công Ty theo Nghị quyết của ĐHCĐ và quy định của Pháp Luật.
- 7.13. Nộp thuế, đóng góp vào Ngân sách Nhà nước và tuân thủ các nghĩa vụ khác theo quy định Pháp Luật.
- 7.14. Tuân thủ mọi điều khoản của Điều Lệ này và chịu trách nhiệm đối với khách hàng trong phạm vi vốn Điều Lệ của Công Ty.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

ĐIỀU 8. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

8.1. Vốn điều lệ của Công Ty tại thời điểm thông qua Điều Lệ này là: **850.000.000.000 VND** (*Bằng chữ: Tám trăm năm mươi tỷ đồng Việt Nam*).

Trong đó vốn bằng tiền là: **850.000.000.000 VND** (*Bằng chữ: Tám trăm năm mươi tỷ đồng Việt Nam*).

8.2. Vốn Điều Lệ được chia thành các Cổ Phần với mệnh giá của mỗi Cổ Phần là **10.000 VND** (*Bằng chữ: Mười nghìn Việt Nam đồng*). Vốn Điều Lệ của Công Ty bao gồm các Cổ Phần Phổ Thông và các Cổ Phần Ưu Đãi (nếu có).

8.3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua phù hợp với quy định của Pháp Luật.

8.4. Số Cổ Phần được quyền chào bán của Công Ty là tổng số Cổ Phần do ĐHĐCĐ quyết định phát hành tại từng thời điểm và được ghi nhận trong các nghị quyết của ĐHĐCĐ. HĐQT sẽ quyết định thời gian, phương thức, giá Cổ Phần và số lượng Cổ Phần được quyền chào bán. Giá của Cổ Phần được chào bán không được thấp hơn giá thị trường vào thời điểm chào bán hoặc giá trị ghi sổ mới nhất của Cổ Phần, ngoại trừ các trường hợp sau:

- a) Cổ Phần chào bán cho tất cả các Cổ Đông theo tỷ lệ tương ứng với số Cổ Phần họ hiện đang nắm giữ trong Công Ty;
- b) Cổ Phần chào bán cho bên môi giới chứng khoán hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành/công ty chứng khoán. Trong trường hợp này, tỷ lệ chiết khấu và số lượng chiết khấu phải được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ;
- c) Cổ Phần phát hành cho nhân viên theo Chương trình Phát hành Cổ Phần Ưu Đãi cho Nhân viên (ESOP) do ĐHĐCĐ phê chuẩn; hoặc
- d) Các trường hợp khác theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

8.5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

8.6. Công Ty có thể mua lại Cổ Phần do chính Công Ty đã phát hành (kể cả Cổ Phần Ưu Đãi) theo những cách thức được quy định trong Điều Lệ này và Pháp Luật hiện hành, Cổ Phần do Công Ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật liên quan.

- 8.7. Công Ty có quyền phát hành trái phiếu có tài sản bảo đảm và/hoặc trái phiếu không có tài sản bảo đảm, trái phiếu chuyển đổi (trái phiếu có thể được chuyển đổi thành Cổ Phần theo các điều kiện được quy định trước), chứng quyền (được phát hành cùng với trái phiếu cho phép người nắm giữ chứng nhận trái phiếu được mua một số lượng Cổ Phần với mức giá và thời gian xác định trước) và các loại chứng khoán khác theo quy định của Pháp Luật. Trừ trường hợp Pháp Luật có quy định khác, HĐQT có quyền quyết định việc phát hành trái phiếu, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, thời điểm phát hành trái phiếu và các nội dung liên quan khác nhưng phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp gần nhất.
- 8.8. Công Ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được ĐHCĐ thông qua và phù hợp với quy định của Pháp Luật.
- 8.9. Vốn Điều Lệ sẽ không được sử dụng để chi trả cổ tức cho các Cổ Đông trong bất kỳ trường hợp nào. Trường hợp Công Ty chấm dứt hoạt động trước thời hạn, các quy định liên quan của Pháp Luật sẽ được áp dụng.

ĐIỀU 9. CHỨNG NHẬN CỔ PHIẾU VÀ SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

- 9.1. Mọi Cổ Đông đều có quyền được cấp Chứng Nhận Cổ Phiếu tương ứng với số Cổ Phần và loại Cổ Phần sở hữu ("**Chứng nhận Cổ phiếu**").
- 9.2. Mọi Chứng Nhận Cổ Phiếu sẽ được phát hành với chữ ký của người đại diện theo pháp luật và con dấu của Công Ty, theo hình thức phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp. Chứng Nhận Cổ Phiếu nêu rõ số lượng, loại Cổ Phần và tổng mệnh giá Cổ Phần, tên của Cổ Đông và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
- 9.3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu..
- 9.4. Nếu Chứng Nhận Cổ Phiếu bị hư hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị xem là bị rơi, mất, hoặc tiêu hủy, một chứng Chứng Nhận Cổ Phiếu mới ghi nhận số Cổ Phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó, với điều kiện là người đó phải nộp lại cho Công Ty Chứng Nhận Cổ Phiếu cũ, hoặc (trong trường hợp bị xem là bị rơi, mất, hoặc tiêu hủy) tuân thủ các điều kiện đặt ra liên quan về chứng cứ và bồi hoàn, và (trong bất kỳ trường hợp nào phía trên) phải chịu chi phí của Công Ty theo quyết định của HĐQT. Người nắm giữ Chứng Nhận Cổ Phiếu có trách nhiệm duy nhất trong việc bảo quản, giữ gìn giấy chứng nhận. Công Ty không có bất kỳ trách nhiệm nào đối với việc mất mát hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo của Chứng Nhận Cổ Phiếu đó. Đề nghị cấp mới Chứng Nhận Cổ Phiếu của Cổ Đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

9.5. Tất cả các mẫu Chứng Nhận Cổ Phiếu, chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng khoán khác của Công Ty (không phải là các thư chào bán, chứng chỉ tạm thời và tài liệu tương tự khác), trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện hiện tại có liên quan đến chứng chỉ quy định khác, phải được ban hành với con dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

ĐIỀU 10. SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY

- 10.1.** Công Ty phải lập và lưu giữ Sổ Đăng Ký Cổ Đông, Sổ Đăng Ký Cổ Đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này;
- 10.2.** Sổ Đăng Ký Cổ Đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD). Cổ Đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ Đăng Ký Cổ Đông trong giờ làm việc của Công Ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD) tùy từng trường hợp.
- 10.3.** Trường hợp có bất kỳ thay đổi nào về nội dung Sổ Đăng Ký Cổ Đông liên quan tới bất kỳ Cổ Đông nào, thì Cổ Đông đó phải có trách nhiệm thông báo cho Công Ty và/hoặc công ty chứng khoán nơi Cổ Đông lưu ký để Công Ty/công ty chứng khoán tiến hành việc sửa đổi thông tin của Cổ Đông trong sổ Đăng Ký Cổ Đông.
- 10.4.** Công Ty sẽ không chịu trách nhiệm đối với trường hợp Công Ty không thể liên lạc và/hoặc không thể gửi thư, tài liệu cho Cổ Đông do địa chỉ của Cổ Đông không có, không chính xác hoặc không đầy đủ cho mục đích liên lạc và/hoặc gửi thư đó. Việc không thể liên lạc hoặc gửi thư gửi tài liệu đó sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập họp ĐHCĐ, lấy ý kiến Cổ Đông, gửi tài liệu cho Cổ Đông và hiệu lực của các nghị quyết ĐHCĐ được thông qua.
- 10.5.** Công Ty có thể phát hành Cổ Phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. HĐQT có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng Cổ Phần theo các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ này và Pháp Luật Việt Nam.

CHƯƠNG V

CHUYỂN NHƯỢNG, THU HỒI VÀ MUA LẠI CỔ PHẦN

ĐIỀU 11. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

- 11.1.** Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- 11.2. Trừ trường hợp quy định tại Điều 11.5, Cổ Phần bán cho cổ đông chiến lược (nếu có và được quy định cụ thể trong phương án phát hành cổ phần) và Pháp Luật có quy định khác thì tất cả các Cổ Phần đều được tự do chuyển nhượng.
- 11.3. Việc chuyển nhượng Cổ Phần sẽ có hiệu lực ngay sau khi việc chuyển nhượng Cổ Phần đã được đăng ký trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông. Chỉ các Cổ Đông có tên trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông mới được coi là Cổ Đông hợp pháp của Công Ty.
- 11.4. Bất kỳ Cổ Phần nào đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp Luật và quy chế tương ứng của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và các quy định tương ứng của Sở giao dịch chứng khoán nơi mà Cổ Phần được niêm yết.
- 11.5. HĐQT có toàn quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng đối với bất kỳ Cổ Phiếu nào chưa được thanh toán đầy đủ.
- 11.6. Trong trường hợp một Cổ Đông bị chết và có yêu cầu của người có liên quan, những người thừa kế của người chết phải có một văn bản thỏa thuận để chỉ định người hoặc một số người đại diện cho số Cổ Phần của Cổ Đông bị chết, trong thỏa thuận phải nêu rõ mỗi người sẽ đại diện cho bao nhiêu số Cổ Phần. Nếu không có thỏa thuận hoặc không xác định được người thừa kế của người chết, việc thực hiện quyền liên quan đến số Cổ Phần của người chết sẽ tạm ngừng cho đến khi có phán quyết của cơ quan có thẩm quyền về việc xác định người hoặc những người có quyền đại diện cho số Cổ Phần của người chết hoặc những người thừa kế đạt được thỏa thuận.
- 11.7. Khi một Cổ Đông là một pháp nhân hoặc tổ chức bị giải thể, phá sản, sáp nhập, chia tách, chuyển đổi hình thức hoạt động, thì mọi quyền và trách nhiệm liên quan tới Cổ Phần của Cổ Đông đó sẽ được giải quyết phù hợp với quy định của Pháp Luật.
- 11.8. Cổ Phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận Cổ phiếu phát hành để tăng vốn Cổ Phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và toàn bộ các quyền lợi có liên quan.

ĐIỀU 12. THU HỒI CỔ PHẦN

- 12.1. Nếu một Cổ Đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thanh toán đến hạn của Cổ Phần, HĐQT có thể, vào bất kỳ thời điểm nào, gửi thông báo tới Cổ Đông đó yêu cầu thực hiện ngay việc thanh toán khoản tiền chưa thanh toán cộng với tiền lãi cộng dồn trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh mà Công Ty phải chịu do việc không thanh toán đúng hạn gây ra.
- 12.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (không ít hơn bảy (07) Ngày Làm Việc kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và quy định rõ rằng trong trường hợp việc thanh toán không được thực hiện theo nội dung thông báo, thì số Cổ Phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

- 12.3.** Nếu các yêu cầu của một thông báo nêu trên không được thực hiện, bất kỳ Cổ Phần nào liên quan tới thông báo đó có thể bị thu hồi theo Nghị Quyết của HĐQT tại bất kỳ thời điểm nào sau đó, trước khi thanh toán đầy đủ các khoản chưa được thanh toán. Việc thu hồi bao gồm tất cả các khoản cổ tức được công bố đối với Cổ Phần bị thu hồi đó mà chưa được chi trả thực tế trước thời điểm thu hồi. HĐQT có thể chấp thuận việc giao nộp lại các Cổ Phần bị thu hồi theo các quy định dưới đây và các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ này.
- 12.4.** Cổ Phần bị thu hồi được coi là các Cổ Phần được quyền chào bán của Công Ty. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu Cổ Phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.
- 12.5.** Cổ Đông sở hữu Cổ Phần bị thu hồi sẽ bị chấm dứt tư cách Cổ Đông đối với số Cổ Phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
- 12.6.** Khi Cổ Phần đã bị thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi cho người nắm giữ Cổ Phần trước thời điểm thu hồi, nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

ĐIỀU 13. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG

- 13.1.** Cổ Đông biểu quyết phản đối các quyết định về tổ chức lại Công Ty hoặc các quyết định thay đổi các quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông theo quy định tại Điều Lệ này có quyền yêu cầu Công Ty mua lại Cổ Phần của mình. Yêu cầu phải được thực hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ Đông đó, loại và số lượng Cổ Phần, giá chào bán, và lý do yêu cầu mua lại. Yêu cầu phải được gửi tới Công Ty trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày ĐHCĐ phê duyệt vấn đề được quy định trong Khoản này.
- 13.2.** Công Ty sẽ mua lại Cổ Phần theo yêu cầu của Cổ Đông theo quy định tại Điều 13.1 trong vòng chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Cổ Phần sẽ được mua lại theo giá trị thị trường tại thời điểm đó hoặc do Công Ty và Cổ Đông thỏa thuận.
- 13.3.** Trường hợp không đạt được thỏa thuận về giá mua lại, HĐQT có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để Cổ Đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Trong vòng năm (05) Ngày Làm Việc, kể từ ngày có thông báo tham vấn chuyên gia, nếu Cổ Đông đó không phản đối, thì giá bán sẽ được coi như đã được đồng ý. Trong trường hợp Cổ Đông đó phản đối, thì Cổ Đông đó phải gửi văn bản tới Công Ty. Tuy vậy, không phụ thuộc vào việc nhận được ý kiến phản đối đó Công Ty vẫn có quyền thực hiện việc thanh toán theo giá đã được xác định, và chấm dứt tất cả

các quyền, nghĩa vụ của Cổ Đông đó liên quan tới Công Ty. Trong vòng mười (10) Ngày Làm Việc kể từ ngày Công Ty nhận được ý kiến phản đối, nếu hai bên không đạt được thỏa thuận, thì Cổ Đông đó có thể đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền.

ĐIỀU 14. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CÔNG TY

14.1. Công Ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số Cổ Phần Phổ Thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ số Cổ Phần Ưu Đãi đã bán, theo các quy định dưới đây:

- a) HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số Cổ Phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại Cổ Phần do ĐHQĐ quyết định.
- b) HĐQT sẽ xác định giá mua lại Cổ Phần Phổ Thông. Giá mua lại của Cổ Phần Phổ Thông không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp Công Ty gửi đề nghị tới tất cả các Cổ Đông để mua lại lượng Cổ Phần tỷ lệ tương ứng với số Cổ Phần mà họ nắm giữ. Giá mua lại cho các loại Cổ Phần khác phải không được thấp hơn giá thị trường, trừ khi có thỏa thuận khác giữa Công Ty và Cổ Đông.
- c) Công Ty có thể mua lại Cổ Phần Phổ Thông của mỗi Cổ Đông theo tỷ lệ tương ứng của họ. Trong trường hợp này, Công Ty phải gửi một thông báo về quyết định mua lại Cổ Phần Phổ Thông tới tất cả các Cổ Đông trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định được phê duyệt. Thông báo phải có các thông tin như tên và trụ sở Công Ty, tổng số Cổ Phần Phổ Thông được Công Ty mua lại, giá mua hoặc nguyên tắc xác định giá mua, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn các Cổ Đông phải trả lời Công Ty.

14.2. Các Cổ Đông chấp nhận đề nghị của Công Ty sẽ phải trả lời bằng văn bản gửi về Công Ty trong vòng ba mươi (30) ngày hoặc theo thời hạn nêu trong thông báo của Công Ty kể từ ngày nhận được thông báo về việc mua lại Cổ Phần của Công Ty.

ĐIỀU 15. THỜI HẠN THANH TOÁN VÀ TỪ CHỐI MUA LẠI CỔ PHẦN

15.1. Công Ty sẽ chỉ thực hiện việc thanh toán đối với việc mua lại Cổ Phần theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 nói trên cho các Cổ Đông nếu sau khi hoàn thành việc thanh toán cho các Cổ Phần được mua lại, Công Ty vẫn có khả năng đảm bảo chi trả mọi khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

15.2. Tất cả số Cổ Phần được mua lại theo Điều 13 và Điều 14 nói trên sẽ được coi là cổ phiếu quỹ và thuộc số Cổ Phần được quyền chào bán phù hợp với quy định hiện hành.

15.3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu Cổ Phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi Cổ Phần tương ứng đã được thanh toán đủ.

- 15.4. Khi thực hiện thanh toán đầy đủ cho việc mua lại Cổ Phần, nếu tổng giá trị các tài sản ghi trong sổ kế toán của Công Ty giảm hơn mười phần trăm (10%), thì Công Ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cho số Cổ Phần mua lại.

CHƯƠNG VI

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

ĐIỀU 16. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY

Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công Ty như sau:

- 16.1. **ĐHĐCĐ**: bao gồm tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty và sẽ không bị giới hạn hoặc ảnh hưởng bởi các quyền của HĐQT theo Điều Lệ này, thực hiện tất cả các quyền hạn của Công Ty.
- 16.2. **HĐQT**: là cơ quan quản lý của Công Ty được điều chỉnh bởi các chuẩn mực cao nhất về quản trị, điều hành doanh nghiệp và chịu trách nhiệm quản lý Công Ty vì các quyền lợi tốt nhất cho tất cả các Cổ Đông.
- 16.3. **BKS**: BKS chịu trách nhiệm về việc giám sát tình hình hoạt động và quản lý của Công Ty.
- 16.4. **Tổng Giám Đốc**: Tổng Giám Đốc (“TGD”) chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước Pháp Luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao phó.

CHƯƠNG VII

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 17. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

- 17.1. Người sở hữu Cổ Phần Phổ Thông được gọi là Cổ Đông Phổ Thông. Các Cổ Đông là chủ sở hữu của Công Ty, có quyền và trách nhiệm tương ứng với số lượng Cổ Phần và loại Cổ Phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty của từng Cổ Đông được giới hạn trong phạm vi giá trị tính trên mệnh giá của các Cổ Phần mà người đó nắm giữ.
- 17.2. Các Cổ Đông Phổ Thông có quyền:
- Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - Nhận cổ tức theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ;

- c) Được ưu tiên mua Cổ Phần mới phát hành của Công Ty theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của mình trong Công Ty;
- d) Tự do chuyển nhượng Cổ Phần đã được thanh toán đầy đủ của mình cho người khác trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ Công Ty, sổ biên bản họp của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
- g) Trong trường hợp Công Ty giải thể hoặc phá sản, có quyền nhận một phần tài sản còn lại của Công Ty tương ứng với số Cổ Phần góp vốn vào Công Ty, sau khi Công Ty đã thực hiện các khoản thanh toán cho các chủ nợ và bất kỳ Cổ Đông sở hữu Cổ Phần Ưu Đãi nào và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp Luật;
- h) Yêu cầu Công Ty mua lại Cổ Phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh Nghiệp;
- i) Thực hiện bỏ phiếu từ xa đối với cuộc họp ĐHĐCĐ;
- j) Được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ Đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công Ty có các loại Cổ Phần Ưu Đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại Cổ Phần Ưu Đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ Đông;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật; và
- l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.

17.3. Một Cổ Đông hoặc nhóm các Cổ Đông nắm giữ từ 05% tổng số Cổ Phần Phổ Thông còn có các quyền sau:

- a) Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh Nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát,

hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

17.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

17.5. Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức có quyền cử một hoặc một số Đại Diện Theo Ủy Quyền thực hiện các quyền của mình với tư cách là một Cổ Đông của Công Ty theo quy định của Pháp Luật. Trường hợp có nhiều hơn một Đại Diện Theo Ủy Quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu đại diện bởi mỗi Đại Diện Theo Ủy Quyền và một Đại Diện Theo Ủy Quyền của một Cổ Đông tổ chức có thể biểu quyết khác với một Đại Diện Theo Ủy Quyền khác của cùng một Cổ Đông đối với cùng một vấn đề tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Công Ty có quyền dựa vào thông tin trong giấy ủy quyền để thu xếp các hoạt động của Công Ty (bao gồm việc xác định số đại biểu tham dự tối thiểu cần thiết cho cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc biểu quyết đề thông qua các Nghị quyết của ĐHĐCĐ). Cổ Đông sẽ bị ràng buộc bởi việc thực hiện hoặc không thực hiện của Đại Diện Theo Ủy Quyền được chỉ định hợp lệ của mình và hạn

chế về thẩm quyền nào đối với Đại Diện Theo Ủy Quyền sẽ ràng buộc Công Ty trừ trường hợp các giới hạn đó được quy định rõ trong giấy ủy quyền.

17.6. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Đại Diện Theo Ủy Quyền sẽ chỉ có hiệu lực nếu được thông báo bằng văn bản đến Công Ty ít nhất bốn mươi tám (48) giờ trước khi việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi này có hiệu lực. Trong giới hạn quy định bởi Pháp Luật, thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký doanh nghiệp của Cổ Đông;
- b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký Cổ Đông tại Công Ty;
- c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Đại Diện Theo Ủy Quyền;
- d) Số cổ phần Đại Diện Theo Ủy Quyền đó được ủy quyền đại diện;
- e) Thời hạn được ủy quyền của Đại Diện Theo Ủy Quyền; và
- f) Họ, tên, và chữ ký của Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc người được ủy quyền của họ và người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông đó.

ĐIỀU 18. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Các Cổ Đông Phổ Thông của Công Ty có các nghĩa vụ sau:

18.1. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ (nếu có);

18.2. Thanh toán đủ tiền mua Cổ Phần theo số lượng Cổ Phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định;

18.3. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty;

18.4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua Cổ Phần;

- 18.5. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty mua lại Cổ Phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn Cổ Phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ Đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị Cổ Phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
- 18.6. Tuân thủ Điều Lệ và các quy chế của Công Ty;
- 18.7. Chấp hành Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- 18.8. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
- 18.9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều Lệ này và của Pháp Luật.
- 18.10. Cổ Đông Phổ Thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- a) Vi phạm Pháp Luật;
 - b) Thực hiện các hoạt động kinh doanh và giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; hoặc
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công Ty.
- 18.11. Cổ Đông Lớn không được lợi dụng ưu thế của mình để gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của Công Ty và các Cổ Đông khác và có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 19. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 19.1. ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty và, không bị giới hạn và ảnh hưởng bởi các quyền của HĐQT theo Điều Lệ này, thực hiện tất cả các quyền hạn của Công Ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần và phải được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng (trong trường hợp cần thiết, HĐQT có quyền quyết định gia hạn họp thời hạn họp ĐHĐCĐ thường niên nhưng không quá sáu (06) tháng) kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- 19.2. ĐHĐCĐ bao gồm tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều Lệ này.

19.3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

19.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp: yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

19.5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 19.4 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 19.4 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 19.5 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 19.5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 19.4 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140

19.6. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

19.7. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; trường hợp công ty chuyển đổi hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

19.8. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

19.9. Cổ Đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 19.7.q Điều này khi Cổ Đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ Đông đó là một bên của hợp đồng;
- b) Việc mua lại Cổ Phần của Cổ Đông đó hoặc của người có liên quan tới Cổ Đông đó trừ trường hợp việc mua lại Cổ Phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ Đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

19.10. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 20. CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

20.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên sẽ được triệu tập bởi HĐQT tại một địa điểm thuộc Việt Nam do HĐQT xác định tùy theo thời điểm. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định về các vấn đề theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

20.2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

- a) HĐQT thấy cần thiết cho các lợi ích của Công Ty. Có thể là trường hợp mà các kiểm toán viên cho rằng cần phải họp để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc tình hình tài chính của Công Ty và thông báo với HĐQT;
- b) Bảng cân đối tài chính hàng năm, báo cáo quý hoặc báo cáo sáu (06) tháng, hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính chỉ ra rằng vốn chủ sở hữu đã mất đi một nửa (1/2) so với đầu kỳ;
- c) Khi số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu quy định bởi Pháp Luật;
- d) Một Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nêu tại Điều 17.3 có nhu cầu triệu tập họp và gửi đề nghị bằng văn bản nêu rõ lý do và mục đích của buổi họp, được ký bởi các Cổ Đông đó (và đề nghị này có thể bao gồm hai bản hoặc nhiều hơn cùng với chữ ký của tất cả các Cổ Đông đó); và
- e) BKS yêu cầu triệu tập họp nếu có lý do tin rằng thành viên của HĐQT đã vi phạm nghiêm trọng các trách nhiệm của họ tại Điều 153 Luật Doanh Nghiệp hoặc HĐQT đã hành động hoặc có ý định hành động vượt quyền hạn cho phép.

20.3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) Ngày Làm Việc kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại Điều 20.2(c) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại các Điều 20.2(d) và Điều 20.2(e). Trường hợp HĐQT không triệu tập được cuộc họp ĐHĐCĐ này, thì trong thời hạn ba mươi (30) Ngày Làm Việc tiếp theo, BKS sẽ triệu tập cuộc họp các Cổ Đông. Nếu BKS không triệu tập cuộc họp đó, thì trong thời hạn ba mươi (30) Ngày Làm Việc tiếp theo Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 17.3 có quyền thay thế HĐQT, BKS để triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ.

20.4. Mọi chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Công Ty chi trả, tuy nhiên, để rõ ràng, thì các chi phí này sẽ không bao gồm các khoản mà các Cổ Đông phải chịu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, đặc biệt chi phí ăn ở và đi lại.

ĐIỀU 21. ỦY QUYỀN THAM DỰ HỌP ĐHĐCĐ

21.1. Cổ Đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền đủ điều kiện tham dự ĐHĐCĐ có thể tham gia họp trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một (01) hoặc nhiều Người Được Ủy Quyền Dự Họp (nếu được Pháp Luật cho phép) tham dự và biểu quyết nhân danh mình, Cổ Đông

là tổ chức không có Đại Diện Theo Ủy Quyền theo quy định tại Điều 17.5 của Điều Lệ này thì có quyền ủy quyền cho một (01) hoặc nhiều Người Được Ủy Quyền Dự Họp, nếu được Pháp Luật cho phép, để tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và những Người Được Ủy Quyền Dự Họp có thể có ý kiến khác nhau đối với cùng một vấn đề tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Người Được Ủy Quyền Dự Họp không nhất thiết phải là một Cổ Đông. Người Được Ủy Quyền Dự Họp ĐHĐCĐ không được phép ủy quyền lại cho người khác đồng thời không được hành động vượt quá phạm vi được ủy quyền hoặc thực hiện biểu quyết nhân danh chính mình.

21.2. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản theo một mẫu thông dụng hoặc theo mẫu mà HĐQT phê duyệt, và:

- a) Trong trường hợp là cá nhân, thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Cổ Đông đó và Người Được Ủy Quyền Dự Họp; và
- b) Trong trường hợp là tổ chức, thì giấy ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi Người Đại Diện Theo Ủy Quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Họp.

21.3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

21.4. Phiếu biểu quyết của một Người Được Ủy Quyền Dự Họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều 21.4 này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

21.5. Trong trường hợp, tại một cuộc họp ĐHĐCĐ, một người là (i) Đại Diện Theo Ủy Quyền cho nhiều Cổ Đông và/hoặc (ii) Người Được Ủy Quyền Dự Họp của nhiều Cổ Đông và/hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông, thì người đó có thể bỏ phiếu biểu quyết theo những ý kiến khác nhau dựa trên các chỉ thị khác nhau của các Cổ Đông và/hoặc các Đại Diện Theo Ủy Quyền đã chỉ định hợp lệ người đó là Người Được Ủy Quyền Dự Họp hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền. Để tạo điều kiện biểu quyết của người đó, nếu được yêu cầu, Công Ty sẽ cấp cho người đó đủ thẻ phiếu biểu quyết và các tài liệu khác tại cuộc họp của ĐHĐCĐ.

21.6. Công Ty có quyền dựa vào thông tin trong giấy ủy quyền để thu xếp các hoạt động của Công Ty (bao gồm việc xác định số đại biểu tham dự tối thiểu cần thiết cho cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc biểu quyết để thông qua các Nghị quyết của ĐHĐCĐ). Cổ Đông sẽ bị ràng buộc bởi việc thực hiện hoặc không thực hiện của Người Được Ủy Quyền Dự Hội được chỉ định hợp lệ (bất kể do Cổ Đông đó hay Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông đó chỉ định) và không có giới hạn thẩm quyền nào đối với Người Được Ủy Quyền Dự Hội sẽ ràng buộc Công Ty trừ trường hợp các giới hạn đó được quy định rõ trong giấy ủy quyền.

ĐIỀU 22. THAY ĐỔI CÁC QUYỀN

22.1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

22.2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ một loại Cổ Phần Ưu Đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ Đông (hoặc Đại Diện Được Ủy Quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá Cổ Phần của loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ Cổ Phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Được Ủy Quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ Đông nắm giữ Cổ Phần Ưu Đãi nêu trên, những người nắm giữ Cổ Phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi Cổ Phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang nhau tại các cuộc họp trên.

22.3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp liên quan đến việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt đối với loại Cổ Phần Ưu Đãi tương tự với các thủ tục tiến hành các cuộc họp ĐHĐCĐ quy định tại Điều Lệ này. Để tránh hiểu nhầm, quyết định của ĐHĐCĐ về các thay đổi, hủy bỏ các quyền đặc biệt đối với loại Cổ Phần Ưu Đãi có thể được thực hiện bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định Điều Lệ này.

22.4. Trừ khi các điều khoản phát hành Cổ Phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại Cổ Phần Ưu Đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công Ty sẽ không bị thay đổi khi Công Ty phát hành thêm các Cổ Phần cùng loại.

ĐIỀU 23. TRIỆU TẬP HỌP, CHƯƠNG TRÌNH VÀ THÔNG BÁO HỌP ĐHĐCĐ

23.1. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường sẽ được triệu tập họp bởi HĐQT trừ khi quy định

của Điều 20.3 Điều Lệ này được áp dụng. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Điều 19.4 Điều lệ này.

23.2. Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ phải thực hiện các công việc sau:

- a) Chuẩn bị danh sách Cổ Đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e) Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng Cổ Đông có quyền dự họp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

23.3. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp. Thông báo có thể gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện đến địa chỉ của Cổ Đông hoặc tới địa chỉ mà Cổ Đông đó đăng ký nhận thông báo. Nếu một Cổ Đông đã thông báo với Công Ty bằng văn bản về một số fax hoặc địa chỉ thư điện tử mà Cổ Đông đó muốn nhận được thông báo, thì thông báo sẽ được gửi tới số fax hoặc thư điện tử đó. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của Cổ Đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo mời họp và các tài liệu ĐHĐCĐ được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông ghi trong danh sách Cổ Đông có quyền dự họp, đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ, đồng thời thực hiện công bố thông tin về việc họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật.

23.4. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông

trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

23.5. Các Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Điều 17.3 của Điều Lệ này có quyền đề nghị các vấn đề cần được đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề nghị phải được làm thành văn bản và gửi tới Công Ty ít nhất bảy (07) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc. Đề nghị phải ghi rõ tên của Cổ Đông, số lượng và loại Cổ Phần nắm giữ của Cổ Đông, và các vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

23.6. Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối các đề nghị theo Điều 23.5 nếu:

- a) Đề nghị không được gửi đến đúng hạn, không đủ, không đúng nội dung theo quy định tại điều 23.4;
- b) Vào thời điểm đề xuất, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông không có đủ ít nhất 05% Cổ Phần Phổ Thông;
- c) Đề nghị không bao gồm các thông tin được yêu cầu, và;
- d) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ để thảo luận và thông qua Nghị quyết.

23.7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điều 23.5 vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điều 23.6; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

23.8. HĐQT phải soạn thảo Dự thảo Nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp;

23.9. Trường hợp tất cả Cổ Đông hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền đại diện 100% số Cổ Phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp tại cuộc họp ĐHĐCĐ, những Nghị quyết được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập họp ĐHĐCĐ không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình. Để tránh hiểu

nhằm, Điều này cũng áp dụng cho bất kỳ nghị quyết ĐHĐCĐ nào được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

ĐIỀU 24. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỢP ĐHĐCĐ

24.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền hoặc người được ĐHĐCĐ bầu ra sẽ chủ trì cuộc họp. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì cuộc họp, thành viên HĐQT chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra chủ tọa của cuộc họp ĐHĐCĐ, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên HĐQT.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển cuộc họp bầu chủ tọa của cuộc họp ĐHĐCĐ và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa của cuộc họp ĐHĐCĐ. Trường hợp bầu chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố.

Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

24.2. Cuộc họp ĐHĐCĐ được coi là triệu tập hợp lệ khi có số Cổ Đông hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền đại diện cho trên 50% tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết, cuộc họp phải triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) Ngày Làm Việc kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có số Cổ Đông hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền đại diện cho ít nhất 33% Cổ Phần có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp. Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai không được tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, thông báo triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) Ngày Làm Việc kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ Đông hay Đại Diện Theo Ủy Quyền tham dự.

24.3. Chi ĐHĐCĐ mới có quyền sửa đổi chương trình họp đã được gửi theo thông báo mời họp.

24.4. Cuộc họp ĐHĐCĐ có thể bao gồm hình thức hội nghị giữa các Cổ Đông, trong đó một số hoặc tất cả Cổ Đông đang ở những địa điểm khác nhau, với điều kiện là những người này phải:

a) có khả năng nghe được những người khác tham dự phát biểu tại cuộc họp; và

- b) có khả năng giao tiếp được với tất cả các Cổ Đông khác cùng lúc một cách trực tiếp, thông qua điện thoại hội nghị hoặc bằng hình thức thông tin liên lạc khác. Mỗi Cổ Đông tham gia vào buổi họp sẽ được xác định là “có mặt” tại buổi họp nếu được Cổ Đông đó xác nhận việc đó bằng chữ ký của mình, bao gồm cả chữ ký điện tử.

ĐIỀU 25. THẺ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐHĐCĐ VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP

25.1. Thẻ thức tiến hành họp: Vào ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, Công Ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ Đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a) Khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Công Ty sẽ cấp cho từng Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp, tùy từng trường hợp, có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ Đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó. Thẻ biểu quyết có thể được mã hóa để phục vụ cho việc kiểm phiếu bằng phần mềm máy tính. Thẻ thức cụ thể tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của cuộc họp được ĐHĐCĐ thông qua (nếu có) hoặc theo toàn quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
- b) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
- c) Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người đến dự họp muộn có quyền đăng ký và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ Đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ Đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng;
- d) Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT chủ trì, trừ trường hợp quy định tại Điều 24.1;
- e) Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Quyết định của chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện

phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

- g) Đoàn Chủ tịch cuộc họp ĐHĐCĐ có thể được lập khi chủ tọa xét thấy cần thiết, bao gồm một số thành viên HĐQT và Cán Bộ Quản Lý của Công Ty do chủ tọa chỉ định. Đoàn Chủ tịch thực hiện một số công việc nhằm hỗ trợ việc điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ của chủ tọa;
- h) HĐQT có thể yêu cầu các Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà HĐQT cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ Đông, Đại Diện Theo ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội họp không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, HĐQT sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội họp nói trên tham gia cuộc họp ĐHĐCĐ;
- i) Chủ tọa Đại hội, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Chủ tọa cho là thích hợp để:
 - (i) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - (ii) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - (iii) Tạo điều kiện cho Cổ Đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - (iv) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu HĐQT thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

25.2. Trong trường hợp tại cuộc họp ĐHĐCĐ có áp dụng các biện pháp nói trên, HĐQT khi xác định địa điểm họp ĐHĐCĐ có thể:

- a) Thông báo rằng cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm Chính của Cuộc họp”);
- b) Bố trí, tổ chức để những Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội họp không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia cuộc họp nhưng ở địa điểm khác với Địa điểm Chính của Cuộc họp vẫn có thể tham dự cuộc họp;
- c) Thông báo về việc tổ chức họp ĐHĐCĐ không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

25.3. Trong Điều Lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ Đông sẽ được coi là

tham gia cuộc họp ĐHĐCĐ ở Địa điểm chính của Cuộc họp.

- 25.4.** Hàng năm Công Ty phải tổ chức ĐHĐCĐ ít nhất một (01) lần. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 25.5.** Mỗi cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được tổ chức bằng tiếng Việt, và các tài liệu bằng văn bản hoặc tài liệu khác liên quan đến ĐHĐCĐ (bao gồm thông báo mời họp) được cung cấp bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh (nếu có Cổ Đông là cá nhân/tổ chức nước ngoài). Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt, nội dung của bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 25.6.** Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 25.7.** Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- 25.8.** Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 25.7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
- 25.9.** Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

ĐIỀU 26. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ

- 26.1.** ĐHĐCĐ thông qua mọi quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp của ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến các Cổ Đông bằng văn bản.

- a) Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các Cổ Đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
- (i) Loại và tổng số lượng Cổ Phần của từng loại;
 - (ii) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - (iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công Ty quy định tại điều 16 Điều Lệ này;
 - (iv) Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Công Ty;
 - (v) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công Ty; và
 - (vi) Tổ chức lại (gồm chia, tách, sáp nhập hoặc hợp nhất) hoặc giải thể Công Ty.
- b) Trừ trường hợp quy định tại các Điểm a Khoản này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ Đông dự họp tán thành.
- c) Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

26.2. Thẻ thức thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ:

- a) Trong trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp: theo Điều 25.1 của Điều Lệ này;
- b) Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- c) Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
 - (i) Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký

doanh nghiệp của Công Ty;

- Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ Đông hoặc đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức; số lượng Cổ Phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo;
 - Thời hạn để gửi ý kiến cho Công Ty; và
 - Phương án biểu quyết “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến”;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công Ty;
- (ii) Các tài liệu kèm theo phiếu lấy ý kiến được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty bao gồm:
- Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - Các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Phiếu lấy ý kiến được gửi tới các Cổ Đông như quy định tại Khoản này phải ghi rõ đường dẫn và cách thức tải tài liệu. Công ty sẽ gửi tài liệu kèm theo phiếu lấy ý kiến cho Cổ Đông nếu Cổ Đông yêu cầu.
- (iii) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc người đại diện theo pháp luật và đóng dấu (nếu có) của Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức;
- (iv) Phiếu lấy ý kiến phải được gửi về Công Ty bằng thư điện tử (email) hoặc bằng thư để trong phong bì dán kín và nếu là phong bì dán kín thì không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến, bị sửa chữa, tẩy xóa, đánh dấu, thêm ký hiệu hoặc đã bị mở (áp dụng đối với hình thức để trong phong bì dán kín) hoặc đã bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ;
- d) HĐQT tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của đại diện BKS hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty; Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

- e) Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải gửi đến các Cổ Đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;
- f) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty;
- g) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- h) Việc kiểm phiếu biểu quyết theo hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện bằng phần mềm vi tính;
- i) Việc lấy ý kiến bằng văn bản đề thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ được thực hiện, và các tài liệu bằng văn bản hoặc tài liệu khác liên quan đến việc lấy ý kiến bằng văn bản sẽ được cung cấp bằng tiếng Việt và/hoặc tiếng Anh. Trường hợp có bất đồng giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt, nội dung của bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

ĐIỀU 27. NGHỊ QUYẾT, BIÊN BẢN CUỘC HỌP ĐHĐCĐ

27.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tùy thuộc vào quyết định của ĐHĐCĐ tại từng thời điểm. Biên bản phải có các thông tin cơ bản sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công Ty;
- b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ;
- d) Chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến và các ý kiến nêu ra tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
- f) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại buổi họp ĐHĐCĐ, số lượng các phiếu nhất trí, phiếu không nhất trí, phiếu không có ý kiến; số lượng các phiếu hợp lệ và số lượng các phiếu không hợp lệ; các vấn đề được thông qua và tỉ lệ phiếu bầu đối với mỗi vấn đề;
- g) Tổng số phiếu của các Cổ Đông có mặt tại cuộc họp;
- h) Tổng số phiếu biểu quyết cho từng vấn đề; và
- i) Tên đầy đủ, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

27.2. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ phải chịu trách nhiệm lập biên bản họp. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả Cổ Đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ kết thúc, Biên bản này sẽ được xem là minh chứng về các nội dung của cuộc họp, ngoại trừ có sự phản đối được đưa ra một cách hợp lệ đối với nội dung của biên bản họp trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày gửi đi.

27.3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt và/hoặc tiếng Anh, có đầy đủ chữ ký của chủ tọa và thư ký cuộc họp, và được soạn thảo phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ này và hệ thống Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách Cổ Đông đăng ký dự họp, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty. Trường hợp có bất đồng giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt, nội dung của bản Tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

27.4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

ĐIỀU 28. YÊU CẦU HỦY BỎ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ

28.1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại Điểm c Điều 26.1 Điều lệ này.
- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

28.2. Trường hợp có Cổ Đông, nhóm Cổ Đông yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VIII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 29. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HĐQT

29.1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công Ty để Cổ Đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công

ty khác);

- e) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có) và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có);
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

29.2. Các Cổ Đông nắm giữ Cổ Phần phổ thông có quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ 10% tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

29.3. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

29.4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

ĐIỀU 30. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ THÀNH VIÊN HĐQT

30.1. Tùy thuộc vào Khoản 30.2 này, số thành viên của HĐQT sẽ không ít hơn (ba) 03 người và không nhiều hơn 11 (mười một) người (hoặc một số lượng khác phù hợp với Pháp Luật tại từng thời điểm). Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Thành viên của HĐQT không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty hoặc có quốc tịch Việt Nam và cần đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 155 Luật Doanh Nghiệp.

Trường hợp Công Ty trở thành công ty đại chúng chưa niêm yết và chuyển đổi hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo ít nhất 1/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị

của công ty hoạt động theo mô hình nêu trên có ít hơn 05 người, Công ty phải đảm bảo có 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

Trường hợp Công Ty trở thành công ty niêm yết thì tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

30.2. Cơ cấu HĐQT cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công Ty.

30.3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc tùy theo Nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc quy chế bầu cử do ĐHĐCĐ phê duyệt tại từng thời điểm.

30.4. Thành viên của HĐQT (bao gồm cả thành viên HĐQT độc lập) được bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Nếu một thành viên của HĐQT không hoàn thành công việc của mình vì một lý do đặc biệt, thì HĐQT có thể báo cáo vấn đề đó tại kỳ họp ĐHĐCĐ kế tiếp để thông báo và thay thế. Việc thay thế thành viên của HĐQT phải theo nguyên tắc kế thừa, bảo đảm rằng có ít nhất một phần ba (1/3) số thành viên là các thành viên của nhiệm kỳ trước. Trong trường hợp đặc biệt, vấn đề này có thể được quyết định bởi ĐHĐCĐ.

30.5. Tư cách thành viên HĐQT bị chấm dứt trong các trường hợp sau:

- a) Nếu thành viên đó vi bất kỳ quy định nào của Luật Doanh Nghiệp hoặc Pháp Luật bị cấm làm thành viên HĐQT;
- b) Nếu thành viên đó từ chức bằng một thông báo bằng văn bản gửi tới trụ sở chính của Công Ty;
- c) Nếu thành viên đó bị qua đời hoặc rối loạn tâm thần và các thành viên khác của HĐQT nhận thấy rằng thành viên đó không còn đủ năng lực hành vi;
- d) Nếu thành viên đó trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp không tham dự các cuộc họp của HĐQT mà không có sự chấp thuận của HĐQT trong các cuộc họp HĐQT, và HĐQT đã quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e) Bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

30.6. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều Lệ. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn sáu mươi (60) ngày từ ngày số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3); hoặc

b) Số lượng thành viên HĐQT độc lập giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ quy định.

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

30.7. Nếu một thành viên HĐQT qua đời, từ nhiệm, nghỉ hưu hoặc mất năng lực, Cổ Đông đề cử thành viên HĐQT đó có thể đề cử một thành viên HĐQT thay thế.

ĐIỀU 31. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT

31.1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

31.2. HĐQT có trách nhiệm kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý của TGD và (các) Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác.

31.3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp Luật, Điều Lệ Công Ty và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, ngoại trừ các vấn đề liên quan thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty; Quyết định giải pháp, phát triển thị trường, tiếp thị công nghệ;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;

c) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

d) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

e) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

f) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

- g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công Ty, (các) quy chế quản lý nội bộ của Công Ty, quy chế quản lý cổ phiếu, quy chế tài chính của Công Ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo TGD và và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người Điều Hành Doanh Nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- m) Quyết định việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- n) Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích của những người đó;
- o) Thông qua các giao dịch đầu tư/bán tài sản có giá trị từ trên 20% đến dưới 35% tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán của Công Ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 167.3 Luật Doanh Nghiệp và Điều 19.7.(q) Điều Lệ này.
- p) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến đề ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- r) Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả Cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- s) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- t) Đề xuất các loại Cổ Phần phát hành và tổng số Cổ Phần phát hành theo từng loại;
- u) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- v) Quyết định phương án phát hành trái phiếu, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành đối với các trái phiếu không chuyển đổi, trái phiếu không kèm chứng quyền và nội dung liên quan khác nhưng phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất;
- w) Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được ĐHĐCĐ ủy quyền;
- x) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên ĐHĐCĐ;
- y) Quyết định các vấn đề khác không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
- z) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật và nghị quyết của ĐHĐCĐ (nếu có);
- aa) Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ- CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

31.4. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của HĐQT đối với TGD và Người Điều Hành khác trong năm tài chính.

31.5. HĐQT có thể thành lập các tiểu ban hoặc cử thành viên HĐQT phụ trách riêng về từng vấn đề để hỗ trợ hoạt động của HĐQT, bao gồm: tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban kiểm toán nội bộ, nhân sự và tiền lương, và các tiểu ban đặc biệt khác (nếu cần thiết, theo toàn quyền quyết định của HĐQT. Việc thành lập các tiểu ban của HĐQT phải được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ.

31.6. Trừ khi Pháp Luật quy định khác, HĐQT có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty, trừ các trường hợp bắt buộc phải được HĐQT trực tiếp quyết định theo quy định của Pháp Luật.

31.7. Các thành viên của HĐQT có thể được phép hưởng thù lao cho việc thực hiện công việc phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

31.8. Mỗi cuộc họp HĐQT sẽ được tổ chức bằng tiếng Việt và bất kỳ tài liệu bằng văn bản nào hoặc tài liệu khác liên quan đến cuộc họp HĐQT (bao gồm các thông báo triệu tập cuộc họp) phải được cung cấp bằng tiếng Việt và/hoặc tiếng Anh. Trường hợp có mâu thuẫn giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt, nội dung tại bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

HĐQT bổ nhiệm một người làm người phụ trách quản trị và các vấn đề về quản lý của Công Ty (“**Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty**”). Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty có thể đồng thời là Thư Ký Công Ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty. Quyền và nghĩa vụ của Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty theo quy định của Pháp Luật. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

31.9. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

ĐIỀU 32. CHỦ TỊCH HĐQT

32.1. HĐQT sẽ lựa chọn ra trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch trong số các thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ lựa chọn ra trong số các thành viên HĐQT một số Phó Chủ tịch thường trực hoặc không thường trực (nếu thấy cần thiết). Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh TGD của Công Ty.

- 32.2.** Chủ tịch HĐQT có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Quản Trị; chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 32.3.** Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, thì Phó Chủ tịch (nếu có) có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho HĐQT rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt (vắng mặt được hiểu là không có mặt tại trụ sở chính của Công Ty hoặc không có mặt tại phòng làm việc của mình tại trụ sở chính của Công Ty), vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình trừ trường hợp Chủ tịch HĐQT có văn bản ủy quyền cho một thành viên HĐQT khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, HĐQT có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để tạm thời thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán trong thời gian Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
- 32.4.** Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công Ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các Cổ Đông tại ĐHĐCĐ.
- 32.5.** Trường hợp Chủ tịch từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
- 32.6.** Trong trường hợp xét thấy cần thiết và được Pháp Luật cho phép, Chủ tịch HĐQT được ủy quyền theo vụ việc hoặc ủy quyền thường xuyên hoặc phân cấp cho (các) Phó Chủ tịch HĐQT và/hoặc thành viên HĐQT khác ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch HĐQT và thực hiện một số các quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. (Các) Phó Chủ tịch HĐQT và/hoặc thành viên HĐQT khác được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT về việc thực hiện các công việc được ủy quyền.
- 32.7.** Chủ tịch HĐQT có các quyền bao gồm và không giới hạn quyền hạn của TGD. Ngoài ra Chủ tịch HĐQT có các trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ này và Pháp luật (nếu có), cụ thể như sau:
- a) Thông qua các giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị đến 20% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT được quy định tại Điều 167 Luật Doanh Nghiệp, Điều 19.7.(q) Điều Lệ này;
 - b) Thông qua các khoản vay, cho vay của Công Ty và các hoạt động cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch bảo đảm hoặc bồi thường của Công Ty có giá trị dưới 35% tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT được quy định tại Điều 19.7.(q), Điều 31.3 Điều Lệ này;

- c) Thông qua các giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- d) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;
- e) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;
- f) Tổ chức các công việc cần thiết để thông qua nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
- g) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- h) Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- i) Được ủy quyền cho cấp dưới thực hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Hội đồng quản trị về việc ủy quyền đó;
- j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.

32.8. Thực hiện các hoạt động khác thuộc trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều Lệ, nghị quyết của ĐHĐCĐ, ủy quyền hoặc phân cấp của HĐQT, quy trình quy chế nội bộ của Công Ty (nếu có) và quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 33. THÀNH VIÊN HĐQT THAY THẾ

33.1. Thành viên HĐQT có thể ủy quyền cho người khác đến dự họp cuộc họp HĐQT nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

33.2. Thành viên HĐQT thay thế có quyền nhận các thông báo triệu tập cuộc họp của HĐQT và tất cả các cuộc họp khác của HĐQT mà người chỉ định mình là thành viên để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp mà người chỉ định họ không có mặt, và được phép thực hiện các chức năng nhiệm vụ của người chỉ định với tư cách như thành viên HĐQT đã vắng mặt nhưng không được phép nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ Công Ty cho việc thực hiện công việc như một thành viên HĐQT thay thế. Công Ty không bắt buộc phải gửi thông báo về cuộc họp nói trên cho một thành viên HĐQT thay thế không có mặt tại Việt Nam.

33.3. Thành viên HĐQT thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên HĐQT thay thế nếu người chỉ định người đó chấm dứt tư cách thành viên HĐQT nhưng nếu một (01) thành viên HĐQT hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là tái bổ nhiệm tại cuộc họp ĐHĐCĐ mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên HĐQT thay thế nào do thành viên đó thực hiện ngay trước thời

diễn hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.

- 33.4.** Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên HĐQT chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công Ty hoặc theo hình thức khác do HĐQT phê chuẩn.
- 33.5.** Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều Lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên HĐQT trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự uỷ quyền của thành viên HĐQT đã chỉ định.

ĐIỀU 34. CUỘC HỌP HĐQT

- 34.1.** Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) Ngày Làm Việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số chọn một (01) người trong số thành viên có cùng số phiếu bầu cao nhất đó triệu tập họp HĐQT.
- 34.2.** Họp thường kỳ: Bất kỳ thành viên HĐQT nào có thể triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) Ngày Làm Việc trước khi bắt đầu cuộc họp. Sau đó: Chủ tịch có thể triệu tập họp vào bất kỳ thời điểm nào mà Chủ tịch cho là cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một (01) lần.
- 34.3.** Họp bất thường: Bất kỳ thành viên HĐQT nào có thể triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường ngay lập tức khi có một trong những người sau đây gửi yêu cầu bằng văn bản đưa ra mục đích và nội dung các vấn đề cần phải thảo luận:
- a) TGD hoặc ít nhất năm (05) Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác;
 - b) Ít nhất hai (02) thành viên của HĐQT; hoặc
 - c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - d) Đa số các thành viên BKS.
 - e) Các trường hợp khác (nếu có).
- 34.4.** Các cuộc họp HĐQT quy định tại Điều 34.3 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được yêu cầu họp HĐQT. Nếu Chủ tịch không triệu tập họp thì người yêu cầu tại Điều 34.3 có quyền tự mình triệu tập họp HĐQT.
- 34.5.** Theo yêu cầu của các kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn bạc về báo cáo kiểm toán và tình hình của Công Ty.

34.6. Địa điểm họp: Cuộc họp HĐQT được tổ chức tại Trụ sở chính của Công Ty hoặc tại một địa điểm khác trong lãnh thổ Việt Nam, hoặc với sự đồng ý của HĐQT, ngoài lãnh thổ Việt Nam theo chỉ định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

34.7. Thông báo và Chương trình họp: Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT chậm nhất ba (03) Ngày Làm Việc trước khi tổ chức họp (trừ trường hợp họp khẩn cấp hoặc bất thường theo quyết định của Chủ tịch HĐQT), các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo triệu tập họp HĐQT phải được lập thành văn bản bằng tiếng Việt (và/hoặc tiếng Anh) và phải thông báo đầy đủ về chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo các tài liệu cần thiết về các vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết cho các thành viên không thể tham dự cuộc họp. Trường hợp có mâu thuẫn giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt, nội dung tại bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công Ty.

34.8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

34.9. Số thành viên tham dự cuộc họp:

Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên của HĐQT có mặt trực tiếp dự họp hoặc thông qua thành viên thay thế.

Trường hợp cuộc họp không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT (hoặc thành viên thay thế) dự họp.

34.10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 34.11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác (nếu được HĐQT đồng ý).

34.11. Biểu quyết:

- a) Mỗi thành viên HĐQT hoặc người thay thế thành viên HĐQT, và người được ủy quyền tham dự họp sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.
- b) Thành viên của HĐQT không biểu quyết về bất kỳ hợp đồng hay thỏa thuận hoặc đề xuất nào mà có quyền lợi của thành viên đó, hoặc liên quan tới các nghĩa vụ của thành viên đó mà xung đột hoặc có thể xung đột với lợi ích của Công Ty. Thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số đại biểu tối thiểu có mặt tại buổi họp nếu nghị quyết thông qua tại cuộc họp là về vấn đề mà thành viên đó mà không được phép biểu quyết.
- c) Nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh tại cuộc họp có liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan tới quyền biểu quyết của thành viên HĐQT và vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, thì vấn đề đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và quyết định của Chủ tọa sẽ là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ.

34.12. Công khai lợi ích: Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và Người Có Liên Quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công Ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

34.13. Biểu quyết theo đa số: HĐQT sẽ thông qua nghị quyết và ra quyết định theo đa số (hơn 50%) trên số thành viên HĐQT (hoặc thành viên thay thế được ủy quyền) tham dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì Chủ tịch HĐQT sẽ có một lá phiếu quyết định.

34.14. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Các thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của HĐQT bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được gửi bằng thư điện tử (email) hoặc bằng thư để trong phong bì dán kín gửi tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì gửi cho thư ký của Chủ tịch hoặc một người được ủy quyền khác của Công Ty ít nhất một (01) tiếng trước thời gian quy định tại buổi họp. Những phiếu bằng văn bản đó sẽ được mở tại cuộc họp trước sự chứng kiến của tất cả những người tham dự cuộc họp.

34.15. Hợp thông qua điện thoại hoặc hình thức khác: Cuộc họp HĐQT có thể dưới hình thức hội nghị giữa các thành viên HĐQT, trong đó một số hoặc tất cả thành viên ở

những địa điểm khác nhau với điều kiện là từng thành viên HĐQT tham gia có thể:

- a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
- b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hội nghị hoặc hình thức thông tin liên lạc khác (có thể đang được sử dụng khi thông qua Điều Lệ này hoặc được phát triển sau này) hoặc kết hợp các hình thức khác nhau. Theo Điều Lệ này từng thành viên HĐQT tham gia cuộc họp đó sẽ được coi là “có mặt”. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo cách thức quy định tại điều khoản này được xác định theo địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có nhóm thành viên nào như vậy, thì địa điểm sẽ được xác định là địa điểm nơi Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Nghị quyết được thông qua trong cuộc họp tổ chức dưới hình thức họp qua điện thoại sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc buổi họp, nhưng các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này phải xác nhận theo mẫu văn bản của Công Ty.

34.16. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT có quyền biểu quyết bằng văn bản theo các thủ tục sau:

- a) Gửi thông báo lấy ý kiến bằng văn bản kèm theo các tài liệu có liên quan đến việc thông qua Nghị quyết cho các thành viên HĐQT; và
- b) Các thành viên HĐQT biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT ghi trong Thông báo lấy ý kiến;
- c) Chủ tịch HĐQT tổ chức kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của 01 thành viên HĐQT và 01 thư ký ghi biên bản. Biên bản kiểm phiếu phải có đầy đủ chữ của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT chứng kiến và thư ký ghi biên bản phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu. Những người ký tên trong Biên bản kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- d) Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết và Quyết định của HĐQT về các vấn đề đã được các thành viên HĐQT thông qua.

Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức họp lệ.

34.17. Biên bản Cuộc họp:

Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi, Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt, và phải có các nội dung theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh Nghiệp, trừ trường hợp thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong trường hợp cần thiết, biên bản cuộc họp HĐQT sẽ được lập hoặc/và dịch sang tiếng nước ngoài.

- 34.18.** Những người tham dự khác: TGD, các Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác, và các chuyên gia có thể tham dự cuộc họp HĐQT theo lời mời của HĐQT nhưng không được biểu quyết, trừ khi chính bản thân họ có quyền biểu quyết như một thành viên của HĐQT.
- 34.19.** Các Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp HĐQT có 100% số thành viên HĐQT trực tiếp (bất kể có mặt trực tiếp, thông qua cuộc gọi hội thoại hoặc các hình thức giao tiếp khác) và ủy quyền tham dự, là hợp lệ và có hiệu lực, ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định. Để tránh hiểu nhầm, Điều này cũng được áp dụng cho bất kỳ quyết định nào được HĐQT thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

CHƯƠNG IX

TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

ĐIỀU 35. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Công ty sẽ thiết lập hệ thống quản lý trong đó tổ chức quản lý sẽ chịu trách nhiệm và hoạt động dưới sự chỉ đạo của HĐQT. Công Ty sẽ có TGD, một số Phó TGD, và một Kế toán trưởng. TGD, Phó TGD có thể kiêm nhiệm cả vị trí là thành viên HĐQT. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 36. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

- 36.1.** Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ này. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

- 36.2.** Bổ nhiệm: HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc người khác làm TGD. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký hợp đồng quy định về tiền lương, thưởng, ưu đãi, và các quy định lao động khác đối với TGD.
- 36.3.** Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của TGD không quá năm (05) năm, trừ khi được quy định khác bởi HĐQT và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực theo quy định trong hợp đồng lao động. TGD phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn điều kiện tại Điều 64 Luật Doanh Nghiệp.
- 36.4.** Nếu nhiệm kỳ của TGD đương chức hết hạn mà TGD mới chưa được bổ nhiệm thì nhiệm kỳ của TGD đương chức sẽ được kéo dài cho tới thời điểm TGD mới được bổ nhiệm.
- 36.5.** Tổng Giám đốc có các quyền và trách nhiệm sau:
- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT, HĐQT, ĐHĐCĐ (trừ trường hợp được ủy quyền, phân công);
 - b) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch, phương án đầu tư của Công Ty đã được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT phê duyệt;
 - c) Chịu trách nhiệm điều hành, quản lý và tổ chức thực hiện các công việc, hoạt động của Công Ty trong thi công xây dựng, lắp đặt, bảo hành, sửa chữa, cải tạo công trình, đảm bảo chất lượng công trình xây dựng, đảm bảo an ninh an toàn và phòng chống cháy nổ trong hoạt động xây dựng;
 - d) Quyết định các vấn đề không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT bao gồm việc đại diện cho Công Ty tham gia ký kết và thực hiện các loại hợp đồng/giao dịch thuộc lĩnh vực xây dựng, trừ các hợp đồng/giao dịch thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT quy định tại Điều Lệ này (trừ trường hợp được ủy quyền, phân công);
 - e) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, tuyển dụng, cách chức, quyết định mức lương và phụ cấp (nếu có)... đối với các chức danh còn lại, ngoại trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT, Chủ tịch HĐQT quy định tại Điều Lệ này, các chức danh theo quy chế phân quyền, quy chế quản trị nội bộ của Công Ty;
 - f) Tổ chức thực hiện và điều hành hoạt động, các quy trình phối hợp của các Khối/Phòng/Ban trong Công Ty, quy trình quản lý chất lượng, hoặc các quy trình quản lý hoạt động xây dựng khác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy chế phân quyền, quy chế quản trị nội bộ của Công Ty;
 - g) Đại diện cho Công ty (hoặc ủy quyền đại diện lại cho nhân sự chuyên trách) trong hoạt động tố tụng mà Công Ty được xác định tham gia với tư cách là nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trước tòa án,

trọng tài về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực xây dựng của Công Ty;

- h) Các giao dịch khác mà TGD được quyền quyết định theo các quy chế phân cấp và phân quyền nội bộ hoặc theo uỷ quyền của Chủ tịch HĐQT,.

36.6. Báo cáo lên HĐQT và các Cổ Đông: TGD chịu trách nhiệm báo cáo HĐQT và cuộc họp ĐHĐCĐ về việc thực hiện các trách nhiệm của mình và các công việc khác theo yêu cầu.

36.7. Bãi nhiệm: HĐQT có thể bãi nhiệm TGD khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

36.8. Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác:

- a) Theo đề nghị của TGD và được sự chấp thuận của HĐQT, Công Ty được sử dụng số lượng và Người Điều Hành Doanh Nghiệp cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công Ty do TGD đề xuất tùy từng thời điểm. Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác phải có sự miễn cần cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra.
- b) Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với TGD sẽ do HĐQT quyết định và hợp đồng với những Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của TGD.

36.9. Thư Ký Công Ty:

- a) HĐQT sẽ chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư Ký Công Ty. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Công Ty khi cần nhưng không trái với các quy định Pháp Luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một (01) hay nhiều trợ lý Thư Ký Công Ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư Ký Công Ty bao gồm:
 - (i) Chuẩn bị cho các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc Trưởng BKS;
 - (ii) Soạn thảo biên bản các cuộc họp;
 - (iii) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - (iv) Tham dự các cuộc họp;
 - (v) Đảm bảo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT phù hợp với Pháp Luật;
 - (vi) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS.
- b) Thư ký Công Ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp

ĐIỀU 37. LAO ĐỘNG

- 37.1.** TGD có toàn quyền lựa chọn tuyển dụng nhân viên theo các quy định của Công Ty. Đối với những vị trí thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT, TGD có quyền đề xuất lên HĐQT trước khi bổ nhiệm hoặc tham gia ký kết hợp đồng lao động với họ.
- 37.2.** TGD chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về lao động trong quá trình sử dụng lao động của Công Ty. TGD có quyền ban hành các quy chế nội bộ của Công Ty theo thẩm quyền hoặc theo ủy quyền, phân cấp của HĐQT để ràng buộc tất cả các nhân viên của Công Ty.

CHƯƠNG X

NHIỆM VỤ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS, TGD VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

ĐIỀU 38. NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

- 38.1.** Thành viên HĐQT, TGD và các Cán Bộ Quản Lý khác có các nghĩa vụ sau:
- a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh Nghiệp, Pháp Luật có liên quan, Điều Lệ này, Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty và Cổ Đông của Công Ty;
 - c) Trung thành với lợi ích của Công Ty và Cổ Đông của Công Ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công Ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công Ty về các doanh nghiệp mà họ và Người Có Liên Quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công Ty.
- 38.2.** Ngoài các nghĩa vụ quy định tại Điều 38.1, các thành viên HĐQT và TGD không được tăng lương, trả thưởng khi Công Ty không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.
- 38.3.** Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.
- 38.4.** Cán bộ quản lý của Công Ty bao gồm: Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác do HĐQT bầu/bổ nhiệm có thẩm quyền nhân danh Công Ty ký kết giao dịch của Công Ty ("**Cán Bộ Quản Lý**").

ĐIỀU 39. TRÁCH NHIỆM CẢN TRỌNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Thành viên HĐQT, thành viên BKS hoặc TGD và Cán Bộ Quản Lý khác được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công Ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

ĐIỀU 40. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI

- 40.1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS hoặc TGD và Cán Bộ Quản Lý khác được ủy quyền có trách nhiệm phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh Nghiệp và các quy định pháp luật khác.
- 40.2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS hoặc TGD và Cán Bộ Quản Lý khác được ủy quyền không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 40.3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- 40.4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- 40.5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- 40.6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công Ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, TGD, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

- a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD và người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;
- b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, TGD và người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
- c) Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

ĐIỀU 41. BỒI THƯỜNG

41.1. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công Ty, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Cán Bộ Quản Lý nhân viên hoặc người đại diện theo ủy quyền của Công Ty được Công Ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu kiện, khiếu nại, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty;
- b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

41.2. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp Luật cho phép. Công Ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 42. BAN KIỂM SOÁT

42.1. BKS sẽ có các quyền và trách nhiệm theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này,

bao gồm:

- a) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- b) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- d) Giám sát tính tuân thủ của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và hoạt động của Công Ty;
- e) Thanh tra tính bất hợp lý, bất hợp pháp, không trung thực và bất cẩn trong việc quản lý và vận hành các hoạt động kinh doanh của Công Ty;
- f) Đánh giá báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính năm và giữa năm của Công Ty, báo cáo đánh giá quản lý của HĐQT, và nộp các báo cáo về các đánh giá đó tại cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ;
- g) Kiểm tra sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, và việc quản lý và vận hành của Công Ty, bất kể theo tự quyền quyết định của BKS hoặc theo đề nghị của một Cổ Đông Lớn;
- h) Đề xuất lên HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các phương pháp để sửa đổi, cải thiện hoặc bổ sung vào cơ cấu tổ chức của Công Ty, hoặc việc quản lý và vận hành các hoạt động kinh doanh của Công Ty;
- i) Báo cáo HĐQT nếu bất kỳ thành viên nào của HĐQT hoặc TGD hoặc Cán Bộ Quản Lý khác không tuân thủ các nghĩa vụ của Cán Bộ Quản Lý của Công Ty;
- j) Triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ trong một số trường hợp cụ thể;
- k) Yêu cầu tòa án hủy Nghị quyết của ĐHĐCĐ nếu (1) trình tự và thủ tục cho việc triệu tập họp ĐHĐCĐ không tuân thủ quy định của Pháp Luật và Điều Lệ của Công Ty hoặc (2) trình tự và thủ tục cho việc ban hành một nghị quyết và nội dung của nghị quyết đó vi phạm luật và Điều Lệ của Công Ty;
- l) Báo cáo trực tiếp lên các cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền nếu BKS phát hiện các vi phạm Pháp Luật hoặc Điều Lệ Công Ty của thành viên HĐQT hoặc Cán Bộ Quản Lý;
- m) Phụ thuộc vào thẩm quyền của ĐHĐCĐ trong việc lựa chọn các kiểm toán viên

hoặc công ty kiểm toán độc lập, xem xét việc chi định, trả lương, điều khoản của các cam kết hoặc tái chi định các kiểm toán viên hoặc công ty kiểm toán độc lập và các vấn đề liên quan đến việc từ nhiệm hoặc bãi miễn của các kiểm toán viên hoặc công ty kiểm toán đó;

- n) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- o) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
- p) Phê chuẩn và kiểm tra toàn bộ các chính sách và công cụ phòng ngừa rủi ro sẽ được Công Ty và các Công Ty Con thực hiện, nếu có; và
- q) Kiểm tra xem xét tất cả các giao dịch với Người Có Liên Quan mà tiềm năng có xung đột lợi ích cũng như tất cả các xung đột lợi ích để đảm bảo rằng các biện pháp thích hợp đã được đưa ra nhằm giảm thiểu các xung đột lợi ích đó;
- r) Ủy thác điều tra nội bộ và kiểm tra các phát hiện từ việc điều tra nội bộ đối với các vấn đề có bất kỳ gian dối khả nghi hoặc bất thường hoặc việc không thực hiện kiểm soát nội bộ hoặc vi phạm Pháp Luật mà đã hoặc có thể có ảnh hưởng lớn tới kết quả hoạt động và/hoặc vị thế tài chính của Công Ty và các Công Ty Con;
- s) Kiểm tra các chính sách và hướng dẫn quản lý rủi ro và giám sát việc tuân thủ với các chính sách và hướng dẫn đó;
- t) Thuê tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo việc tham gia của các chuyên gia bên ngoài có kinh nghiệm và chuyên môn đối với hoạt động kinh doanh của Công Ty, nếu thấy cần thiết;

42.2. BKS ít nhất sẽ họp hai (02) lần mỗi năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. Cuộc họp Ban kiểm soát có thể thảo luận và kiểm tra những vấn đề sau đây, nếu phù hợp:

- a) Thuê các kiểm toán viên bên ngoài hoặc công ty kiểm toán phù hợp để thực hiện soát xét đầy đủ kiểm soát nội bộ của Công Ty bao gồm xem xét các kế hoạch kiểm toán của các kiểm toán viên bên ngoài, bao gồm kết quả kiểm tra của kiểm toán viên nội bộ và kiểm toán viên bên ngoài và đánh giá của họ về hệ thống kiểm soát kế toán nội bộ, thư của họ gửi ban điều hành và phản hồi của ban điều hành, với điều kiện rằng việc lựa chọn các kiểm toán viên bên ngoài hoặc công ty kiểm toán phải được chấp thuận bởi DHDGD;

- b) Xem xét kết quả kiểm tra nội bộ và phản hồi từ các Cán Bộ Quản Lý; đảm bảo rằng toàn bộ những yếu điểm trong việc kiểm soát nội bộ sẽ được sửa chữa một cách phù hợp và cần trọng dựa trên bất kỳ phát hiện nào của các kiểm toán viên bên ngoài hoặc của công ty kiểm toán và bất kỳ hành động nào được thực hiện bởi BKS, các Cổ Đông hoặc HĐQT, khi cần thiết và thích đáng, để sửa chữa những yếu điểm đó trên cơ sở các phát hiện đó; xem xét các báo cáo về hệ thống kiểm soát nội bộ trước trình HĐQT phê duyệt;
- c) Trường hợp Công Ty chào bán cổ phần để niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán nước ngoài ở ngoài lãnh thổ Việt Nam, đánh giá nhu cầu của Công Ty về việc chỉ định hoặc tiếp tục chỉ định một tổ chức tư vấn tuân thủ để tư vấn Công Ty về các vấn đề liên quan tới pháp luật, các quy định và quy chế của các quốc gia ngoài Việt Nam mà tại đó đặt sở giao dịch nước ngoài liên quan và các quy định niêm yết của sở giao dịch chứng khoán nước ngoài trong quá trình niêm yết tại nước ngoài;
- d) Xem xét tất cả các giao dịch với Người Có Liên Quan.

42.3. Cổ Đông nắm giữ tối thiểu đến 10% Cổ Phần có quyền biểu quyết có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào BKS. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

42.4. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công Ty quy định tại quy chế của Công Ty. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

42.5. Thành viên HĐQT, và Cán Bộ Quản Lý phải cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan tới hoạt động của Công Ty theo yêu cầu của BKS và thư ký phải đảm bảo rằng bản sao của tất cả các tài liệu tài chính và thông tin được cung cấp cho thành viên của HĐQT và biên bản các cuộc họp HĐQT, được cung cấp cho các thành viên của BKS vào cùng thời điểm với HĐQT.

42.6. BKS sẽ có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam, thành viên BKS phải đáp ứng tiêu chuẩn tại điều 169 Luật Doanh nghiệp. Các thành viên BKS không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, Ban TGD và các Cán Bộ Quản Lý khác của Công Ty. Các ứng cử viên được bầu vào BKS phải đảm bảo các yêu cầu về điều kiện và cơ chế lựa chọn thành viên BKS quy định cụ thể tại Quy chế bầu cử thành viên BKS được ĐHĐCĐ thông qua. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt

ng nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và có các quyền và trách nhiệm sau:

- a) Triệu tập cuộc họp BKS và hoạt động với tư cách là Trưởng BKS;
- b) Yêu cầu Công Ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của BKS;
- c) Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHĐCĐ.

42.7. BKS có thể, sau khi tham vấn cùng HĐQT, ban hành quy chế cho các cuộc họp BKS và cách thức tổ chức hoạt động nhưng sẽ không ít hơn hai (02) cuộc họp mỗi năm và số lượng thành viên tham dự tối thiểu tại mỗi cuộc họp sẽ bằng hai phần ba (2/3) tổng số thành viên của BKS. Mỗi thành viên của BKS sẽ có quyền biểu quyết đối với bất kỳ vấn đề nào được trình lên BKS để quyết định, trừ khi thành viên đó có lợi ích trong vấn đề liên quan và lợi ích đó xung đột với lợi ích của Công Ty. BKS sẽ thông qua các nghị quyết và đưa ra các quyết định bằng đa số (bằng hoặc nhiều hơn 50%) các thành viên BKS có mặt (bất kể có mặt trực tiếp, thông qua cuộc gọi hội thoại hoặc các hình thức giao tiếp khác) và có quyền biểu quyết đối với vấn đề đó. Trong trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có phiếu biểu quyết của thành viên độc lập.

42.8. Thành viên BKS được bổ nhiệm bởi ĐHĐCĐ và sẽ có nhiệm kỳ là năm (05) năm. Việc tái bổ nhiệm thành viên BKS phải được ĐHĐCĐ phê duyệt.

42.9. Tư cách thành viên BKS bị chấm dứt trong các trường hợp sau:

- a) Nếu thành viên đó bị Pháp Luật cấm thực hiện vai trò thành viên BKS;
- b) Nếu thành viên đó từ chức và gửi thông báo tới trụ sở chính của Công Ty;
- c) Thành viên bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của BKS nhận thấy thành viên đó không đủ năng lực hành vi;
- d) Nếu thành viên đó trong mười hai tháng liên tiếp vắng mặt trong các cuộc họp của BKS mà không được phép của BKS và BKS quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống;
- e) Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức thành viên BKS theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công Ty.

42.10. Thành viên của BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

CHƯƠNG XII

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

ĐIỀU 43. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

- 43.1.** Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đề cập trong Điều 17.3 Điều Lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công Ty về danh sách Cổ Đông gần nhất, các biên bản họp ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của Cổ Đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ Đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao được chứng thực hợp lệ của giấy ủy quyền này.
- 43.2.** Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, và các Cán Bộ Quản Lý khác có quyền kiểm tra Sổ Đăng Ký Cổ Đông của Công Ty, danh sách Cổ Đông, và những sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 43.3.** Công Ty sẽ phải lưu Điều Lệ Công Ty và những bản sửa đổi bổ sung Điều Lệ, Giấy Chứng Nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Biên bản họp ĐHĐCĐ, HĐQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất kỳ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ Đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
- 43.4.** Cổ Đông có quyền được Công Ty cấp một bản sao Điều Lệ Công Ty miễn phí. Trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử riêng, Điều Lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử đó.

CHƯƠNG XIII

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

ĐIỀU 44. CỔ TỨC

- 44.1.** Trong bất kỳ năm tài chính nào, Công Ty có thể trả cổ tức cho các Cổ Đông sở hữu Cổ Phần Phổ Thông với điều kiện Công Ty có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định Pháp Luật, cũng như đã nộp vào các quỹ, và ngay sau khi trả hết cổ tức, Công Ty vẫn đủ khả năng thanh toán tất cả các khoản nợ và thực hiện các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
- 44.2.** Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và theo quy định của Pháp Luật, cổ tức trên Cổ Phần Phổ Thông sẽ được công bố và thanh toán từ lợi nhuận giữ lại của Công Ty.
- 44.3.** Theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, HĐQT có thể trả cổ tức tạm thời nếu thấy rằng việc thanh toán đó là phù hợp với khả năng sinh lời của Công Ty. Công Ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ

phiếu.

- 44.4. Theo đề nghị của HĐQT, DHCĐ có thể phê duyệt việc trả cổ tức toàn bộ hoặc một phần bằng cổ phiếu và HĐQT sẽ thực hiện nghị quyết này.
- 44.5. Bất kỳ cổ tức hoặc khoản thanh toán nào bằng tiền sẽ được thanh toán bằng tiền Việt Nam Đồng thông qua hình thức chuyển khoản qua ngân hàng nếu Công Ty có chi tiết tài khoản của Cổ Đông để Công Ty có thể thực hiện việc chuyển khoản số tiền đó tới tài khoản của Cổ Đông đó. Cổ Đông phải đăng ký thông tin tài khoản đầy đủ và chính xác cho Công Ty và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin đó. Trường hợp Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ Đông cung cấp mà Cổ Đông đó không nhận được tiền, Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công Ty chuyển cho Cổ Đông thụ hưởng.
- 44.6. Trường hợp có sự chấp thuận của DHCĐ, HĐQT có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu Cổ Phần Phổ Thông được nhận cổ tức bằng các Cổ Phần Phổ Thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các Cổ Phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những Cổ Phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các Cổ Phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
- 44.7. Căn cứ quy định của Luật Doanh Nghiệp, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
- 44.8. Công Ty sẽ trả cổ tức cho Cổ Đông sở hữu Cổ Phần Ưu Đãi theo các điều khoản và điều kiện nêu tại Điều Lệ này và/hoặc cổ phiếu của Cổ Phần Ưu Đãi tương ứng.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

ĐIỀU 45. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

- 45.1. Công Ty có thể mở tài khoản dưới bất kỳ hình thức nào, Việt Nam Đồng hoặc ngoại tệ và dù là vãng lai, tiền gửi hoặc hình thức khác, tại một Ngân hàng Việt Nam hoặc Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam phù hợp với Pháp Luật.
- 45.2. Nếu Công Ty có nhu cầu và tùy thuộc vào sự phê chuẩn trước bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Công Ty có thể mở tài khoản ở nước ngoài.

ĐIỀU 46. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công Ty sẽ bắt đầu vào ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của cùng năm đó.

ĐIỀU 47. BÁO CÁO VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

- 47.1. Công Ty sẽ áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam (VAS), hoặc bất kỳ chế độ kế toán nào khác được Bộ Tài chính duyệt, và sẽ lưu giữ các sổ sách kế toán theo thông lệ kế toán chung của Việt Nam.
- 47.2. Công Ty sẽ lưu trữ sổ sách kế toán thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND). Sổ sách này có thể được chuyển sang thể hiện bằng tiền Đô la Mỹ (USD) trong trường hợp HĐQT yêu cầu.
- 47.3. Công Ty lưu trữ sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công Ty lưu giữ các sổ sách theo đề mục hoạt động kinh doanh mà sổ sách đó liên quan tới. Việc lưu trữ phải chính xác, cập nhật và có hệ thống, đủ để trình bày và mô tả các giao dịch của Công Ty.
- 47.4. Tất cả các tài liệu và báo cáo tài chính kế toán quan trọng phải được phê duyệt và ký bởi TGD và Kế toán trưởng.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNG NĂM, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

ĐIỀU 48. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNG NĂM

- 48.1. Công Ty phải lập bản BCTC hàng năm theo quy định của Pháp Luật cũng như các quy định của UBCKNN (trường hợp Công ty đã niêm yết trên thị trường chứng khoán) và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định của Điều Lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày (hoặc một thời hạn khác phù hợp với quy định của Pháp Luật) kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp BCTC hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, UBCKNN, SGDCK (trường hợp Công Ty đã niêm yết trên thị trường chứng khoán) và cơ quan đăng ký kinh doanh.
- 48.2. BCTC năm phải bao gồm: (1) Bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công Ty cho đến thời điểm lập báo cáo, (2) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công Ty trong năm tài chính, (3) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, và (4) Thuyết minh BCTC. Trường hợp Công Ty là một công ty mẹ, ngoài BCTC riêng hàng năm còn phải bao gồm BCTC hợp nhất về tình hình hoạt động của Công Ty và nộp cho UBCKNN và SGDCK (trường hợp Công Ty đã niêm yết trên thị trường chứng khoán).
- 48.3. Các BCTC được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu (06) tháng và quý của Công Ty phải được công bố trên Website của Công Ty.
- 48.4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản BCTC hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu (06) tháng và hàng quý trên Website của Công Ty.

ĐIỀU 49. KIỂM TOÁN

- 49.1. Trong trường hợp Pháp Luật yêu cầu hoặc khi cần thiết, một công ty kiểm toán có uy tín hoặc đủ điều kiện theo quy định của pháp luật sẽ được TGD lựa chọn/chi định là Công ty kiểm toán chính thức thực hiện việc kiểm toán cho Công ty trong năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều kiện và thỏa thuận với Công ty. Chi phí cho việc kiểm toán do Công Ty chịu;
- 49.2. Công Ty chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán sau khi hết năm tài chính;
- 49.3. Công ty kiểm toán sẽ kiểm tra, xác nhận và lập báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm, liệt kê các khoản thu nhập và chi phí của Công Ty, và lập báo cáo kiểm toán và trình nộp Công Ty theo thời hạn thỏa thuận.

ĐIỀU 50. CON DẤU

- 50.1. HĐQT quyết định hình thức, nội dung, số lượng và việc sử dụng con dấu tùy từng thời điểm và theo quy định của Pháp Luật.
- 50.2. Người đại diện theo pháp luật Công Ty hoặc người được ủy quyền hợp pháp chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng Con dấu phù hợp với quy định Pháp Luật hiện hành.

ĐIỀU 51. BẢO MẬT

Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của HĐQT, thì không một thành viên nào của HĐQT, BKS, Cán Bộ Quản Lý, Cổ Đông hoặc Người Có Liên Quan nào được phép tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan tới Công Ty hoặc các hoạt động kinh doanh của Công Ty mà thông tin đó không được phổ biến hoặc không dễ suy luận từ các thông tin đã được phổ biến rộng rãi, trừ khi người tiếp nhận thông tin là:

- 51.1. Công Ty thành viên của Công Ty (nếu có); hoặc
- 51.2. Cán Bộ Quản Lý và nhân viên của Công Ty hoặc các kiểm toán viên, tư vấn với lý do những người này cần biết thông tin để thực hiện công việc của mình trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công Ty. Nhưng trong các trường hợp này, người tiếp nhận thông tin phải bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc
- 51.3. Các Cổ Đông hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông (trường hợp Cổ Đông là pháp nhân), hoặc các tư vấn và nhà cung cấp dịch vụ của Cổ Đông, với điều kiện là những người này phải cam kết bằng văn bản sẽ bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc
- 51.4. Cho một số lượng nhất định các nhà đầu tư tiềm năng đang tìm kiếm cơ hội để mua, trực tiếp hoặc gián tiếp, bất kỳ Cổ Phần nào trong Công Ty, với điều kiện là những người này phải cam kết bằng văn bản sẽ bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc

- 51.5. Các nội dung được yêu cầu phải cung cấp thông tin theo quy định của Pháp Luật, hoặc theo lệnh, yêu cầu, của một cơ quan tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc
- 51.6. Cơ quan thuế theo yêu cầu hợp lý và nhằm mục đích phục vụ việc kê khai nộp thuế mà Cổ Đông liên quan.

CHƯƠNG XVI

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI THỂ

ĐIỀU 52. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

52.1. Công Ty chấm dứt hoạt động hoặc bị giải thể trong các trường hợp sau:

- a) Hết Thời Hạn hoạt động và bất cứ lần gia hạn nào sau đó;
- b) Theo phán quyết của các Tòa án của Việt Nam tuyên bố phá sản Công Ty theo quy định Pháp Luật hiện hành;
- c) Chấm dứt trước thời hạn theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
- d) Bị thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- e) Không đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp Luật trong thời gian liên tục sáu (06) tháng liên tiếp; hoặc
- f) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.

52.2. Quyết định giải thể Công Ty trước thời hạn (hoặc gia hạn) phải được ĐHĐCĐ thông qua và được HĐQT thực hiện, và phải được thông báo tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin phê chuẩn nếu cần thiết. Thông báo này phải được thực hiện phù hợp với quy định của Điều 208 của Luật Doanh Nghiệp.

ĐIỀU 53. GIA HẠN HOẠT ĐỘNG

53.1. Thời hạn hoạt động của Công Ty là vô hạn theo quy định tại Điều 3.5 của Điều Lệ này, trong trường hợp muốn thay đổi thời hạn hoạt động của Công Ty, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để các Cổ Đông biểu quyết về việc thay đổi Thời Hạn hoạt động của Công Ty theo thời hạn mới mà HĐQT đề xuất.

53.2. Thời hạn hoạt động sẽ được thay đổi bằng một Nghị quyết có hiệu lực được các Cổ Đông đại diện cho ít nhất 65% số Cổ Phần Phổ Thông có quyền biểu quyết có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ thông qua.

ĐIỀU 54. THANH LÝ

- 54.1.** Sau khi có quyết định giải thể Công Ty, HĐQT sẽ nhanh chóng thành lập Ban thanh lý bao gồm ba (03) thành viên và phải đưa ra trách nhiệm của Ban thanh lý tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động hoặc sau khi có quyết định giải thể của Công Ty. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Việc thanh lý sẽ được thực hiện trong thời hạn quy định của Pháp Luật. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công Ty.
- 54.2.** Ban thanh lý chịu trách nhiệm báo cáo với Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của mình. Kể từ khi đó, Ban thanh lý sẽ đại diện Công Ty trong mọi công việc liên quan tới quá trình thanh lý trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 54.3.** Số tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo Pháp Luật, cụ thể như sau:
- a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công Ty;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các Cổ Đông. Các Cổ Phần Ưu Đãi được ưu tiên thanh toán trước.
- 54.4.** Quá trình hoạt động của Ban thanh lý không được kéo dài quá sáu (06) tháng kể từ ngày được thành lập. Quá thời hạn trên, cho dù việc thanh lý vẫn chưa được hoàn thành, thì Ban thanh lý vẫn phải chấm dứt hoạt động. Trong trường hợp này, các Cổ Đông sẽ tự giải quyết các vấn đề còn lại. Trường hợp có phát sinh tranh chấp, sẽ được giải quyết theo Điều 56 của Điều Lệ này.

CHƯƠNG XVII

THÔNG BÁO, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ĐIỀU 55. THÔNG BÁO

- 55.1.** Bất kỳ thông báo nào theo Điều Lệ này sẽ được lập thành văn bản bằng tiếng Việt, trường hợp cần thiết sẽ được lập thêm bằng tiếng Anh và phải được gửi bằng thư tay hoặc bưu điện hoặc gửi fax tới địa chỉ của các Cổ Đông được ghi trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông (hoặc thư điện tử nếu có quy định tại Điều Lệ này). Trường hợp có mâu thuẫn giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt, nội dung tại bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

55.2. Bất kỳ thông báo được gửi đi như dưới đây sẽ được xem như đã được nhận:

- a) nếu được trao tận tay, tại thời điểm giao nhận hoặc thời điểm từ chối nhận;
- b) nếu được gửi bằng đường bưu điện, hai (02) ngày sau ngày gửi (hoặc năm (05) ngày sau ngày gửi nếu được gửi tới địa chỉ ngoài lãnh thổ Việt nam); hoặc
- c) nếu được gửi bằng fax, khi máy fax của người gửi có tín hiệu báo việc gửi fax đã hoàn tất, trừ khi trong vòng bốn (04) tiếng đồng hồ sau khi gửi, người nhận thông báo rằng họ vẫn chưa nhận được toàn bộ bản fax.

55.3. Trường hợp Cổ Đông là một nhóm người cùng đứng tên, thì thông báo sẽ được gửi cho người có tên đứng đầu tiên trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông và thông báo gửi cho người đó sẽ có giá trị cho tất cả những người khác.

55.4. Công Ty sẽ thực hiện các nỗ lực hợp lý để bảo đảm tính chính xác của các địa chỉ trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông, và Công Ty sẽ sửa đổi các địa chỉ của Cổ Đông nếu nhận được thông báo bằng văn bản từ Cổ Đông đó.

ĐIỀU 56. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

56.1. Trường hợp có tranh chấp hoặc khiếu nại phát sinh liên quan tới hoạt động của Công Ty hoặc các quyền của Cổ Đông theo Điều Lệ này hoặc theo quy định của Pháp Luật, giữa:

- a) Cổ Đông và Công Ty; hoặc
- b) Cổ Đông và HĐQT, BKS, TGD hoặc Cán Bộ Quản Lý khác;

thì các bên liên quan sẽ cố gắng cùng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các vấn đề liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) Ngày Làm Việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

56.2. Trường hợp không đạt được thỏa thuận hòa giải trong vòng sáu (06) tuần kể từ ngày bắt đầu quá trình hòa giải, hoặc đề nghị hòa giải không được hai bên đồng ý, thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa vụ việc ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

CHƯƠNG XVIII

SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 57. SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

57.1. Việc sửa đổi và bổ sung Điều Lệ phải được xem xét và quyết định bởi các Cổ Đông đại diện cho ít nhất 65% tổng giá trị cổ phần có quyền biểu quyết tham gia trực tiếp hoặc ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ hoặc được thông qua theo hình thức lấy ý kiến

bằng văn bản theo quy định của Điều lệ này.

57.2. Bất kỳ quy định Pháp Luật nào liên quan tới hoạt động của Công Ty mà không được quy định tại Điều Lệ này hoặc có quy định Pháp Luật mới ban hành mà trái với Điều Lệ này thì quy định mới đó sẽ được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

ĐIỀU 58. NGÀY HIỆU LỰC

58.1. Điều Lệ này gồm 18 chương với 58 Điều và Phụ Lục kèm theo là bản Điều Lệ hợp pháp và chính thức của Công Ty. Điều Lệ này có hiệu lực kể từ ngày được ĐHDCĐ thông qua và thay thế cho bản Điều Lệ ban hành trước đây cùng các bản Phụ Lục sửa đổi, bổ sung (nếu có).

58.2. Điều Lệ này được làm thành hai (02) bản gốc bằng tiếng Việt và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

58.3. Bản sao hoặc trích lục của Điều Lệ phải được ký bởi người đại diện theo pháp luật thì mới có giá trị. Không hạn chế bởi quy định này, người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền, phân cấp có quyền cấp sao y bản chính hoặc trích lục một phần từ bản chính của Điều Lệ Công Ty để cung cấp cho Cổ Đông, các đối tác, cơ quan có thẩm quyền hay các bên liên quan của Công Ty.

CHỮ KÝ

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



**TỔNG GIÁM ĐỐC
VŨ ANH PHƯƠNG**

C.P.